

**B TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

S : 210/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2012

## **THÔNG TƯ**

### **Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 58/2012/N-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết 118/2008/N-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo nghị quyết của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Ban chấp hành Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi và nội dung áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này quy định về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán tại Việt Nam.

2. Nội dung áp dụng:

a) Công ty chứng khoán;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của công ty chng khoán.

## **ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ**

Trong Thông t này, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. *Công ty chng khoán* là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chng khoán, thực hiện mua, mua sắm hoặc toàn bộ các nghiệp vụ: môi giới chng khoán, tổ chức chng khoán, bảo lãnh phát hành chng khoán, tư vấn đầu tư chng khoán.

2. *Người hành nghề chng khoán* là người có Chứng chỉ hành nghề chng khoán, làm việc tại các bộ phận môi giới chng khoán, tổ chức chng khoán, bảo lãnh phát hành chng khoán và tư vấn đầu tư chng khoán và có ký kết hợp đồng lao động với công ty chng khoán.

3. *Bên sao chép* là bên sao chép có thẩm quyền của Việt Nam công chúng, chng thực.

4. *H sơ sao chép* là hồ sơ có ghi ý kiến theo quy định của Thông t này, có nội dung kê khai ý kiến theo quy định của pháp luật.

5. *Giá trị* là giá trị tài sản ròng và nợ ròng hiện tại cùng thời điểm tính toán.

6. *Hợp nhất* là việc hai hoặc nhiều công ty chng khoán cùng loại (sau đây gọi là công ty chng khoán bị sáp nhập) sáp nhập thành một công ty chng khoán mới (sau đây gọi là công ty chng khoán sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chng khoán sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty chng khoán bị sáp nhập.

7. *Sáp nhập* là việc một hoặc nhiều công ty chng khoán cùng loại (sau đây gọi là công ty chng khoán bị sáp nhập) sáp nhập vào một công ty chng khoán khác (sau đây gọi là công ty chng khoán nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chng khoán nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của công ty chng khoán bị sáp nhập.

**Ch  ng II**  
**GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T  NG**  
**M c 1**  
**C P GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T  NG**

**i u 3.  i u ki n c p Gi y phép thành l p và ho t  ng**

1. Công ty ch  ng khoán có tr  s  làm vi c, c  s  v t ch t ph c v  ho t  ng kinh doanh ch  ng khoán theo h  ng d n c a  y ban Ch  ng khoán Nhà n  c sau khi  c B  Tài chính ch p thu n.

2. Công ty ch  ng khoán ph i có v n  i u l  là v n th c góp, t i thi u b  ng m c v n pháp  nh theo quy  nh c a pháp lu t.

3. Giám  c (T  ng Giám  c) công ty ch  ng khoán ph i áp  ng các quy  nh t i kho n 3  i u 34 Thông t  này.

4. Có t i thi u ba (03) ng  i hành ngh  ch  ng khoán cho m i nghi p v kinh doanh  ngh c p phép ho t  ng.

5. C c u c  ông, thành viên góp v n s  h u công ty ch  ng khoán:

a) Công ty ch  ng khoán thành l p theo hình th c công ty c  ph n ho c công ty trách nhi m h u h n t  hai thành viên tr  lên ph i có t i thi u hai (02) c  ông sáng l p, thành viên sáng l p là t  ch c áp  ng quy  nh t i kho n 7  i u này, trong ó ph i có ít nh t m t (01) t  ch c là ngân hàng th  ng m i, doanh nghi p b o hi m ho c t  ch c n  c ngoài theo quy  nh t i kho n 8  i u này;

b) Công ty ch  ng khoán thành l p theo hình th c công ty trách nhi m h u h n m t thành viên, ch  s  h u ph i là ngân hàng th  ng m i, doanh nghi p b o hi m theo quy  nh t i kho n 7  i u này ho c t  ch c n  c ngoài theo quy  nh t i kho n 8  i u này;

c) T l s  h u c  ph n, ph n v n góp c a các c  ông sáng l p, thành viên sáng l p là t  ch c t i thi u là 65% v n  i u l  , trong ó các t  ch c là ngân hàng th  ng m i, doanh nghi p b o hi m ho c t  ch c n  c ngoài theo

quy định thì khoản 8 điều này sẽ hữu hiệu thì 30% và nếu là công ty  
chính khoán;

d) Công đồng, thành viên sẽ vượt 10% trở lên và các phần hoặc phần và  
góp cam kết công ty chính khoán và người có liên quan các công đồng, thành viên  
góp và đó không các góp và trên 5% sẽ phần hoặc phần và góp cam kết  
công ty chính khoán khác;

) Công ty chính khoán thành lập và hoạt động thì Việt Nam không các  
góp và thành lập công ty chính khoán khác thì Việt Nam.

6. Điều kiện về cá nhân tham gia góp và thành lập công ty chính  
khoán:

a) Là cá nhân không thuộc các trường hợp không các quy định thành lập và  
quản lý doanh nghiệp thì Việt Nam theo quy định pháp luật và có ngân hàng tài  
chính tham gia góp và thành lập công ty chính khoán;

b) Các số nợ và các chính mình góp và, không các số nợ  
và vay, và nợ thuế và các cá nhân khác;

c) Cá nhân tham gia góp và phải chứng minh khả năng góp và bằng  
tư liệu Việt Nam hoặc ngoại tệ do chuyển đi có trong tài khoản ngân  
hàng. Giá trị thì thì phải bằng số và điều kiện góp vào công ty chính  
khoán và thời điểm xác nhận các ngân hàng thì là không quá ba tháng (30) ngày  
tính từ ngày hoàn thành lập công ty chính khoán đã và hợp lệ.

7. Điều kiện về tổ chức tham gia góp và thành lập công ty chính  
khoán:

a) Có tổ chức pháp nhân; không đang trong tình trạng phá sản, sáp nhập,  
chia tách, giải thể, phá sản và không thuộc các trường hợp không các quy định  
thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;

b) Hoạt động kinh doanh phải có lãi trong hai (02) năm liên tiếp và  
góp và thành lập công ty chính khoán và không có lý do gì để từ chối góp  
và thành lập công ty chính khoán;

c) Trường hợp là ngân hàng thì ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty

chính khoán tham gia góp vốn:

- Không ràng buộc trong tình trạng kê m soát hoạt động, kê m soát các biệt ho c các tình trạng c nh báo khác;

- Đáp ứng yêu cầu các chủ sở hữu c tham gia góp vốn, u t theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

d) Trường hợp là các tổ chức kinh tế khác tham gia góp vốn:

- Có thời gian hoạt động tối thiểu là năm (05) năm liên tục liên tục năm tham gia góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chính khoán;

- Vốn chủ sở hữu sau khi trừ tài sản dài hạn tối thiểu bằng số vốn đã kê m góp;

- Vốn lưu động tối thiểu phải bằng số vốn đã kê m góp.

e) Các chủ sở hữu vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, không chủ sở hữu vốn y thác của các tổ chức, cá nhân khác góp vốn.

8. Tổ chức n c ngoài tham gia góp vốn thành lập công ty chính khoán phải đáp ứng quy định sau:

a) Là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chính khoán, bảo hiểm và đã có thời gian hoạt động tối thiểu là hai (02) năm liên tục năm tham gia góp vốn thành lập;

b) Chủ sở hữu giám sát thẩm quyền xuyên, liên tục các quan quản lý, giám sát chuyên ngành n c ngoài trong lĩnh vực chính khoán và các quan này chấp thuận bằng văn bản về việc góp vốn thành lập tổ chức kinh doanh chính khoán tại Việt Nam;

c) Các quan quản lý, giám sát chuyên ngành n c ngoài trong lĩnh vực chính khoán và Ủy ban Chính khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc áp dụng v trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động chính khoán và thẩm định chính khoán;

d) Đáp ứng quy định có liên quan tại khoản 7 điều này;

e) Tất cả tham gia góp vốn thành lập công ty chính khoán của các tổ chức

n c ngoài th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

#### **i u 4. H s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng**

1. H s ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán bao g m:

a) Gi y ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng (theo m u quy nh t i Ph l c I ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n các nghi p v kinh doanh ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo tài li u ch ng minh quy n s d ng tr s ;

c) Biên b n h p và quy t nh c a c ông sáng l p ho c thành viên sáng l p v vi c thành l p công ty ch ng khoán. Quy t nh ph i bao g m các n i dung c b n sau:

- Tên công ty, nghi p v kinh doanh;
- V n i u l , c c u s h u ;
- Thông qua đ th o i u l công ty, ph ng án kinh doanh;
- Ng i i di n c ông sáng l p, thành viên sáng l p th c hi n th t c thành l p công ty ch ng khoán.

d) Danh sách đ ki n Giám c (T ng Giám c) và ng i hành ngh ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c III ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán; B n thông tin cá nhân c a Giám c (T ng Giám c) (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này);

) Danh sách và t l s h u c a các c ông, thành viên tham gia góp v n (theo m u quy nh t i Ph l c V ban hành kèm theo Thông t này);

e) Danh sách đ ki n thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ban ki m soát (n u có) kèm theo b n sao h p l gi y ch ng minh nhân dân ho c h chi u còn hi u l c, phi u lý l ch t pháp và b n thông tin cá nhân (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này);

g) Tài li u ch ng minh n ng l c góp v n c a c ông, thành viên tham gia

góp v n thành l p công ty ch ng khoán:

- i v i cá nhân: B n sao h p l gi y ch ng minh nhân dân ho c h chi u còn hi u l c, b n thông tin cá nhân (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này) và tài li u ch ng minh n ng l c tài chính áp ng quy nh t i kho n 6 i u 3 Thông t này; Phi u lý l ch t pháp i v i c ông, thành viên góp v n t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l công ty ch ng khoán;

- i v i t ch c:

B n sao h p l Gi y phép thành l p và ho t ng ho c Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh ho c tài li u t ng ng khác; i u l công ty; Biên b n h p và Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u v vi c tham gia góp v n và c ng i i di n ph n v n góp kèm theo B n sao h p l gi y ch ng minh nhân dân ho c h chi u còn hi u l c, phi u lý l ch t pháp, b n thông tin cá nhân c a ng i i di n ph n v n góp (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này) và các tài li u khác ch ng minh áp ng các quy nh t i kho n 7 i u 3 Thông t này. Tr ng h p t ch c d ki n s h u trên m i ph n tr m (10%) v n i u l c a công ty ch ng khoán ph i b sung phi u lý l ch t pháp c a ng i i di n theo pháp lu t;

i v i t ch c góp v n là công ty m thì báo cáo tài chính là báo cáo h p nh t n m g n nh t ã c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t v k toán và ki m toán;

i v i t ch c góp v n là ngân hàng th ng m i, doanh nghi p b o hi m ph i n p b sung b n sao h p l báo cáo nh k v các ch tiêu an toàn tài chính, an toàn v n theo quy nh c a pháp lu t chuyên ngành trong hai (02) n m g n nh t;

h) V n b n ch p thu n v vi c cho phép góp v n thành l p c a c quan qu n lý, giám sát chuyên ngành i v i ngân hàng th ng m i, doanh nghi p b o hi m ho c tài li u khác ch ng minh c phép góp v n thành l p công ty ch ng khoán;

i) Dtho i ul công ty ã c các c ông sáng l p, thành viên sáng l p công ty ch ng khoán thông qua;

k) Ph ng án ho t ng kinh doanh trong ba (03) n m u phù h p v i nghi p v kinh doanh ngh c p phép (theo m u quy nh t i Ph l c VI ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo các quy trình nghi p v , quy trình ki m soát n i b , quy trình qu n tr r i ro.

2. Tr ng h p c ông, thành viên tham gia góp v n thành l p công ty ch ng khoán là t ch c n c ngoài, các tài li u do c quan qu n lý có th m quy n n c ngoài c p ph i c h p pháp hóa lãnh s c a c quan n i t ch c ó ã ng ký không quá sáu (06) tháng tr c ngày n p h s . Các tài li u vi t b ng ti ng n c ngoài ph i c d ch ch ng th c ra ti ng Vi t b i t ch c có ch c n ng d ch thu t theo quy nh c a pháp lu t Vi t Nam.

3. H s theo quy nh t i kho n 1 và 2 i u này c l p thành m t (01) b n g c kèm theo t p thông tin i n t . B h s g c c n p tr c ti p t i y ban Ch ng khoán Nhà n c ho c g i qua ng b u i n.

#### **i u 5. Th t c c p Gi y phép thành l p và ho t ng**

1. Sau khi nh n c h s theo quy nh t i i u 4 Thông t này, trong th i h n hai m i (20) ngày làm vi c, y ban Ch ng khoán Nhà n c có v n b n yêu c u b sung h s i v i tr ng h p h s ch a h p l ho c ngh hoàn t t các i u ki n c s v t ch t và phong t a v n góp i v i tr ng h p h s y h p l . Tr ng h p c n làm rõ v n liên quan n h s , y ban Ch ng khoán Nhà n c có quy n ngh ng i i di n c ông, thành viên sáng l p ho c ng i d ki n làm Giám c (T ng Giám c) gi i trình tr c ti p ho c b ng v n b n.

2. Trong th i h n ba m i (30) ngày k t ngày y ban Ch ng khoán Nhà n c có yêu c u b ng v n b n, các c ông, thành viên sáng l p thành l p t ch c kinh doanh ch ng khoán ph i hoàn thi n b h s ngh c p gi y phép thành l p và ho t ng. Sau th i h n trên, n u các c ông, thành viên góp v n

không bổ sung, hoàn thiện ý thức, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quy định chi phí Giấy phép thành lập và hoạt động.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu hoàn tất các điều kiện cơ sở vật chất và phong tỏa vốn góp, các công sở sáng lập, thành viên sáng lập phải hoàn thiện cơ sở vật chất và phong tỏa vốn góp. Văn bản của công ty phải được phong tỏa trên tài khoản cá nhân ngân hàng thông minh theo chỉ định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chuyển vào tài khoản của công ty ngay sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Quá thời hạn trên, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quy định chi phí Giấy phép thành lập và hoạt động.

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kiểm tra cơ sở vật chất tại trụ sở công ty chứng khoán trước khi cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

5. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được xác nhận phong tỏa vốn theo quy định tại khoản 3 điều này và kết quả kiểm tra cơ sở vật chất tại trụ sở công ty và các tài liệu hồ sơ khác, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty chứng khoán. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải lập văn bản và nêu rõ lý do.

6. Công ty chứng khoán phải tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

#### **Điều 6. Tên công ty chứng khoán**

1. Tên công ty chứng khoán bao gồm các thành tố sau:

- a) Loại hình doanh nghiệp;
- b) Chữ “chứng khoán”;
- c) Tên riêng.

2. Tên của công ty chứng khoán phải tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **đ i u 7. Công b Gi y phép thành l p và ho t ng**

Trong th i h n b y (07) ngày, k t ngày c c p Gi y phép thành l p và ho t ng, công ty ch ng khoán ph i công b Gi y phép thành l p và ho t ng theo quy nh t i i u 66 Lu t Ch ng khoán.

## **M c 2**

### **I U CH NH GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T NG**

#### **đ i u 8. đ i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng**

1. Công ty ch ng khoán khi b sung, rút nghi p v kinh doanh ch ng khoán, thay i tên, thay i a i m t tr s chính, t ng, gi m v n i u l , thay i ng i i di n theo pháp lu t ph i ngh y ban Ch ng khoán Nhà n c c p i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng.

2. H s ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng c l p thành m t (01) b ng c n p tr c ti p t i y ban Ch ng khoán Nhà n c ho c g i qua ng b u i n.

3. Tr ng h p h s ngh i u ch nh Gi y phép không y , h p l , công ty ch ng khoán ph i b sung, hoàn thi n h s trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày y ban Ch ng khoán Nhà n c có yêu c u b ng v n b n. Sau th i h n trên, h s ã g i y ban Ch ng khoán Nhà n c tr c ó m c nhiên không còn giá tr .

4. Công ty ch ng khoán c c p i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng ph i công b Gi y phép i u ch nh theo th i h n và ph ng th c quy nh t i i u 66 Lu t Ch ng khoán.

#### **đ i u 9. B sung nghi p v kinh doanh ch ng khoán**

1. Công ty ch ng khoán b sung nghi p v kinh doanh ph i áp ng các quy nh sau:

a) Có c s v t ch t áp ng theo quy nh t i kho n 1 i u 3 Thông t này i v i tr ng h p ngh b sung nghi p v môi gi i ch ng khoán, t

doanh ch ng khoán;

b) Có v n i u l , v n ch s h u t i thi u b ng v n pháp nh i v i nghi p v kinh doanh ã c c p phép và nghi p v kinh doanh ngh b sung;

c) m b o ng i hành ngh ch ng khoán i v i nghi p v kinh doanh ang th c hi n và có t i thi u ba (03) ng i hành ngh ch ng khoán th c hi n nghi p v kinh doanh ngh b sung;

d) Công ty ch ng khoán không b t vào tình tr ng ki m soát, ki m soát c bi t, ình ch ho t ng theo quy nh hi n hành trong vòng ba (03) tháng tính n th i i m n p h s ngh b sung nghi p v .

2. H s ngh b sung nghi p v kinh doanh ch ng khoán bao g m:

a) Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t ph c v cho nghi p v kinh doanh i v i tr ng h p ngh b sung nghi p v môi gi i ch ng khoán, t doanh ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này);

c) Quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng thành viên ho c Ch s h u v vi c b sung nghi p v kinh doanh ch ng khoán;

d) Báo cáo tài chính n m ho c báo cáo tài chính g n nh t (nh ng không quá 06 tháng tính n th i i m ngh b sung nghi p v ) ã c t ch c ki m toán c l p c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n th c hi n ki m toán và xác nh n c a ngân hàng v kho n v n b sung g i t i tài kho n phong t a (n u có);

) Ph ng án ho t ng kinh doanh trong ba (03) n m u i v i nghi p v kinh doanh ngh b sung (theo m u quy nh t i Ph l c VI ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo các quy trình nghi p v , quy trình ki m soát n i b , quy trình qu n tr r i ro áp đ ng cho nghi p v kinh doanh ch ng khoán ngh b sung;

e) Danh sách người hành nghề chng khoán đang làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này); Danh sách, bản sao hồ sơ lập chng ch hành nghề chng khoán và hồ sơ lao động của người hành nghề chng khoán đã kiến thức hiện nghiệp vụ bổ sung;

g) Juliusa, bổ sung chức vụ Giám đốc, Hội đồng thành viên của Công ty chng khoán thông qua.

3. Ủy ban Chng khoán Nhà nước thực hiện kiểm tra các vấn đề liên quan đến việc thực hiện bổ sung nghiệp vụ môi giới chng khoán, tổ chức chng khoán.

4. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lập theo quy định khoản 2 điều này và kết quả kiểm tra các vấn đề liên quan (nếu có), Ủy ban Chng khoán Nhà nước chỉ định Ủy ban chấp hành Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chng khoán Nhà nước phải lập biên bản và nêu rõ lý do.

#### **Điều 10. Rút nghiệp vụ kinh doanh chng khoán**

1. Thủ tục rút nghiệp vụ môi giới chng khoán:

a) Công ty chng khoán nộp hồ sơ xin rút nghiệp vụ môi giới chng khoán, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

- Giấy xin chỉ định Ủy ban chấp hành Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

- Quy định của Giám đốc, Hội đồng thành viên của Công ty về việc rút nghiệp vụ kinh doanh chng khoán;

- Phương án xử lý tài khoản của khách hàng.

b) Công ty chng khoán thực hiện phương án và quy trình theo hướng dẫn của Ủy ban Chng khoán Nhà nước;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo đã thực hiện phương án xử lý tài khoản của khách hàng, Ủy ban Chng khoán Nhà nước

i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng ng th i ra Quy t nh thu h i Gi y ch ng nh n ng ký l u ký ch ng khoán trong tr ng h p công ty ch ng khoán không có nghi p v t doanh ch ng khoán. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

2. Th t c rút nghi p v t v n u t ch ng khoán, b o lãnh phát hành ch ng khoán, t doanh ch ng khoán:

a) H s ngh rút nghi p v t v n u t ch ng khoán, b o lãnh phát hành ch ng khoán, t doanh ch ng khoán, bao g m các tài li u sau:

- Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

- Quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng thành viên ho c Ch s h u v vi c rút nghi p v kinh doanh ch ng khoán;

- Báo cáo k t qu x lý các h p ng ã ký v i khách hàng i v i tr ng h p rút nghi p v b o lãnh phát hành, t v n u t ; ph ng án t t toán tài kho n t doanh i v i tr ng h p rút nghi p v t doanh ch ng khoán.

b) Trong th i h n b y (07) ngày làm vi c k t ngày nh n c h s y , h pl theo quy nh t i i m a kho n 2 i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng cho công ty ch ng khoán. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

#### **i u 11. Thay i tên công ty, a i m t tr s chính**

1. H s ngh thay i tên công ty:

a) Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty v vi c thay i tên công ty;

c) i u l s a i, b sung c i h i ng c ông, H i ng thành

viên hoc Ch s h u công ty ch ng khoán thông qua.

2. H s thay i a i m t tr s chính bao g m:

a) Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n các nghi p v kinh doanh t i a i m m i c a tr s chính (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo tài li u ch ng minh quy n s d ng tr s ;

c) Quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng thành viên hoc Ch s h u công ty v vì c thay i a i m t tr s chính công ty.

3. a i m m i t tr s chính công ty ch ng khoán đ ki n chuy n n ph i áp ng các i u ki n v c s v t ch t theo quy nh t i kho n 1 i u 3 Thông t này.

4. Tr c khi ch p thu n thay i a i m t tr s chính, y ban Ch ng khoán Nhà n c ki m tra c s v t ch t t i a i m m i c a tr s chính i v i công ty ch ng khoán có nghi p v môi gi i ch ng khoán, t doanh ch ng khoán.

5. Trong th i h n hai m i (20) ngày, k t ngày nh n c h s y , h p l và k t qu ki m tra c s v t ch t (n u có), y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

#### **i u 12. Thay i v n i u l**

1. H s ngh thay i v n i u l bao g m:

a) Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

b) Xác nh n v kho n v n t ng thêm c a ngân hàng n i m tài kho n phong to hoc Báo cáo tài chính t i th i i m sau khi công ty ch ng khoán

hoàn thành vì c t ng v n i u l ã c ki m toán b i t ch c ki m toán c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n; Báo cáo tài chính ã c ki m toán t i th i i m sau khi công ty ch ng khoán hoàn thành vì c mua l i và h y c phí u, ph n v n góp gi m v n i u l .

c) Báo cáo v vì c thay i c c u s h u tr c và sau khi thay i v n i u l ; h s c a các c ông, thành viên góp v n t m i ph n (10%) tr lên v n i u l theo quy nh t i i m d kho n 2 i u 30 Thông t này và Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u i v i tr ng h p bên mua là t ch c;

d) Báo cáo k t qu chào bán c ph n theo quy nh c a pháp lu t i v i tr ng h p t ng v n i u l c a công ty c ph n. Báo cáo k t qu mua l i c phí u, ph n v n góp và h y gi m v n i u l i v i tr ng h p gi m v n i u l .

2. Trong th i h n hai m i (20) ngày, k t ngày nh n c h s h p l theo quy nh t i kho n 1 i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

### **i u 13. Thay i ng i i di n theo pháp lu t**

1. H s ngh thay i ng i i di n theo pháp lu t c a công ty bao g m:

a) Gi y ngh i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c VII ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u v vì c b nhi m Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng thành viên ho c Giám c (T ng Giám c), kèm theo B n thông tin cá nhân (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này), b n sao h p l ch ng minh nhân dân và b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán c a ng i m i c b nhi m (n u có);

c) i u l s a i, b sung c i h i ng c ông, H i ng thành viên ho c Ch s h u thông qua i v i tr ng h p thay i ch c danh c a ng i i di n theo pháp lu t.

2. Trong th i h n hai m i (20) ngày, k t ngày nh n c h s h p l theo quy nh t i kho n l i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

### M c 3

#### ÌNH CH , THU H I GI Y PHÉP THÀNH L P VÀ HO T NG

##### **i u 14. ình ch ho t ng c a công ty ch ng khoán**

1. Công ty ch ng khoán b ình ch ho t ng trong các tr ng h p sau:

a) H s ngh c p, i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng có thông tin c ý làm sai s th t;

b) Sau khi h t th i h n c nh báo quy nh t i i u 74 c a Lu t Ch ng khoán, công ty ch ng khoán v n không kh c ph c c tình tr ng c nh báo và có l g p t m c n m m i ph n tr m (50%) v n i u l ho c không còn áp ng i u ki n v v n ho t ng kinh doanh ch ng khoán;

c) Ho t ng sai m c ích ho c không úng v i n i dung quy nh trong Gi y phép thành l p và ho t ng;

d) Không duy trì các i u ki n c p Gi y phép thành l p và ho t ng theo quy nh t i kho n 1, 2, 3 và 4 i u 3 Thông t này;

) Các tr ng h p b ình ch theo quy nh pháp lu t v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

2. y ban Ch ng khoán Nhà n c c n c vào hình th c và m c vi ph m c a công ty ch ng khoán quy nh t i kho n l i u này ra quy t nh

ình ch m t, m t s ho c toàn b các ho t ng môi gi i ch ng khoán, t doanh ch ng khoán, t v n u t ch ng khoán, b o lãnh phát hành ch ng khoán và l u ký ch ng khoán, trong ó nêu rõ th i h n và ph m vi ình ch .

3. Trong th i gian b ình ch , công ty ch ng khoán không c m m i tài kho n giao d ch ch ng khoán; không c ký m i, gia h n các h p ng có liên quan n các nghi p v kinh doanh b ình ch ho t ng; ph i th c hi n t t toán, chuy n tài kho n theo yêu c u c a khách hàng (n u có); có ph ng án kh c ph c và báo cáo tình hình th c hi n ph ng án theo yêu c u c a y ban Ch ng khoán Nhà n c.

### **Đ i u 15. Thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng**

1. Công ty ch ng khoán b thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng trong các tr ng h p sau:

a) Các tr ng h p theo quy nh t i i m a, b, c kho n 2 Đ i u 70 Lu t Ch ng khoán; các tr ng h p theo quy nh pháp lu t v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán; tr ng h p b thu h i theo quy nh t i kho n 1 Đ i u 46 Thông t này;

b) Công ty ch ng khoán h t th i h n ho t ng theo Đ i u 1 ho c xin gi i th tr c th i h n;

c) Công ty ch ng khoán phá s n.

2. Trong th i h n ba m i (30) ngày, k t ngày b bu c thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng theo quy nh t i kho n 1 Đ i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch m d t m i ho t ng kinh doanh c c p phép c a công ty ch ng khoán th c hi n th t c thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng.

3. K t khi nh n c v n b n quy nh t i kho n 2 Đ i u này, công ty ch ng khoán có trách nhi m:

a) Trong vòng 24 gi , công b thông tin trên trang thông tin i n t (website) và các a i m kinh doanh c a công ty ch ng khoán, công b thông tin v i các S giao d ch ch ng khoán, Trung tâm L u ký ch ng khoán Vi t Nam

vì việc chi trả tiền mặt cho hoạt động kinh doanh các phép thanh toán thu hộ. Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Chi trả hoàn toàn vì việc thanh toán các nghĩa vụ kinh doanh các phép, ngân ký mặt tất cả các hình phạt có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty chi ngân khoản;

c) Trong vòng mười lăm (15) ngày, công ty chi ngân khoản phải lập phương án xử lý các tài khoản giao dịch chi ngân khoản của khách hàng mặt công ty chi ngân khoản (nếu có). Phương án bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Thời gian và phương thức công bố thông tin, thông báo cho từng khách hàng vì việc rút nghĩa vụ môi giới chi ngân khoản;

- Thời gian để kiểm tra toán tài khoản giao dịch (ống hoặc chuyển tài khoản) theo yêu cầu của khách hàng, thời gian kiểm toán kéo dài tối thiểu là 30 ngày;

- Thời gian ngừng mở tài khoản mới;

- Thời gian để kiểm tra giao dịch trên hai Sổ giao dịch;

- Thời gian ngừng giao dịch rút/ nộp tiền của khách hàng;

- Thời gian để kiểm tra sổ tài khoản tiền của khách hàng chi trả tất toán;

- Phương án xử lý về tài khoản tiền, tài khoản có tranh chấp.

4. Trong thời hạn không quá bốn mươi lăm (45) ngày, sau khi Ủy ban Chi ngân khoản Nhà nước có ý kiến về phương án xử lý tài khoản khách hàng theo quy định tại khoản 3 điều này, công ty chi ngân khoản phải thực hiện phương án theo trình tự như sau:

a) Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và tất cả các ấn phẩm kinh doanh của công ty theo quy định và thông báo từng khách hàng theo phương án;

b) Thực hiện kiểm tra toán tài khoản (ống hoặc chuyển khoản) bao gồm các tiền và chi ngân khoản theo yêu cầu khách hàng;

c) Sau khi hết thời hạn kiểm tra toán tài khoản, lập danh sách toàn bộ tài

khoản tiền (tài khoản chi trả chi phí tính toán) kèm theo sổ quỹ tiền và chứng khoán của từng tài khoản;

d) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tính toán tài khoản, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình tính toán tài khoản, tài khoản;

g) Công ty chứng khoán có thể thỏa thuận chi phí chuyển giao tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn cho công ty chứng khoán khác.

h) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể chuyển công ty chứng khoán khác thay thế hoàn tất các giao dịch và các hợp đồng của công ty chứng khoán bất hợp pháp. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể chuyển công ty chứng khoán khác thay thế hoàn tất các giao dịch và các hợp đồng. Trong trường hợp này, quan hệ quy định của pháp luật xác lập giữa hai công ty.

5. Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc tính toán tài khoản, chuyển giao tài khoản, công ty chứng khoán thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thực hiện tính toán tài khoản, chuyển giao tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn. Quy định này không áp dụng đối với công ty chứng khoán hoàn tất thời điểm tính toán tài khoản (không còn tài khoản) cho khách hàng.

6. Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo theo quy định khoản 4, khoản 5 của Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty chứng khoán yêu cầu công ty và các bên có liên quan thực hiện thanh lý hợp đồng, phá sản công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Văn bản này cũng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên trang thông tin internet của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể, phá sản công ty chứng khoán, người di sản theo pháp luật của công ty chứng khoán phải gửi văn bản về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình giải thể, phá sản công ty chứng khoán cùng hồ sơ có liên quan về việc giải thể, phá sản công ty chứng khoán. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận

h s h p l , y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng và th c hi n công b thông tin theo quy nh.

### **Ch ng III**

## **T CH C C A CÔNG TY CH NG KHOÁN**

### **M c 1**

## **QUY NH CHUNG**

#### **i u 16. Nguyên t c t ch c**

1. Chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n là nh ng n v thu c công ty ch ng khoán. Công ty ch ng khoán ph i ch u trách nhi m v ho t ng c a chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n c a mình.

2. Tên chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n ph i mang tên công ty ch ng khoán kèm theo c m t chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n và tên riêng phân bi t.

#### **i u 17. Th t c chung**

1. Công ty ch ng khoán thành l p, óng c a, thay i a i m chi nhánh, phòng giao d ch, v n phòng i di n ph i c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n. Công ty ch ng khoán thay i tên chi nhánh, phòng giao d ch, thay i nghi p v th c hi n t i chi nhánh và thay i giám c chi nhánh ph i ngh y ban Ch ng khoán Nhà n c i u ch nh Quy t nh thành l p chi nhánh, phòng giao d ch.

2. H s ngh y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n và h s ngh i u ch nh Quy t nh thành l p chi nhánh, phòng giao d ch i v i các n i dung nêu t i kho n 1 i u này c l p thành m t (01) b n g c g i y ban Ch ng khoán Nhà n c tr c ti p ho c qua ng b u i n.

3. Tr ng h p h s không y , h p l , công ty ch ng khoán ph i b sung, hoàn thi n h s trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày y ban Ch ng khoán Nhà n c có yêu c u b sung, hoàn thi n h s b ng v n b n. Sau th i

h n trên, n u công ty ch ng khoán không b sung, hoàn thi n y , h s ã g i y ban Ch ng khoán Nhà n c tr c ó m c nhiên không còn giá tr .

## M c 2

### CHI NHÁNH CÔNG TY CH NG KHOÁN

#### **Đ i u 18. Thành l p chi nhánh**

1. Chi nhánh là n v thu c công ty ch ng khoán. Chi nhánh công ty ch ng khoán c th c hi n các nghi p v kinh doanh theo phân c p, y quy n c a công ty ch ng khoán. Nghi p v kinh doanh c a chi nhánh ch gi i h n trong ph m vi các nghi p v kinh doanh mà công ty ch ng khoán c c p phép ho t ng.

2. Vi c thành l p chi nhánh công ty ch ng khoán ph i áp ng các yêu c u sau:

a) T i th i i m thành l p chi nhánh, công ty ch ng khoán không b t vào tình tr ng ki m soát, ki m soát c bi t, ình ch ho t ng theo quy nh hi n hành;

b) Không b x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán trong vòng sáu (06) tháng tính n th i i m y ban Ch ng khoán Nhà n c nh n c h s ngh thành l p chi nhánh;

c) Có tr s và trang thi t b c n thi t ph c v ho t ng kinh doanh ch ng khoán c y quy n;

d) Giám c chi nhánh công ty ch ng khoán ph i áp ng các tiêu chu n theo quy nh t i i m a và i m d kho n 3 i u 34, có ch ng ch hành ngh ch ng khoán phù h p v i nghi p v kinh doanh mà chi nhánh c th c hi n, có kinh nghi m chuyên môn trong l nh v c tài chính, ngân hàng, ch ng khoán ít nh t hai (02) n m và có kinh nghi m qu n lý i u hành t i thi u m t (01) n m;

e) m b o ng i hành ngh ch ng khoán i v i nghi p v kinh doanh ang th c hi n t i tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch và có t i thi u

hai (02) người hành nghề chng khoán phù hợp cho mỗi nghiệp vụ kinh doanh  
thực hiện tại chi nhánh địa điểm thành lập.

3. Hồ sơ ngành thành lập chi nhánh bao gồm:

a) Giấy ngành thành lập chi nhánh (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX  
ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch  
hộ công ty chng khoán về việc thành lập chi nhánh và các nghiệp vụ kinh  
doanh chng khoán quy định cho chi nhánh thực hiện;

c) Quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản trị rủi  
ro địa điểm thực hiện tại chi nhánh;

d) Bản thuyết minh các số vụ thực tế mà bỏ thực hiện các nghiệp vụ kinh  
doanh theo quy định của công ty chng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục II  
ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo tài liệu chứng minh quy định  
trở chi nhánh;

e) Danh sách người hành nghề chng khoán của toàn công ty; danh sách  
Giám đốc chi nhánh, người hành nghề chng khoán làm việc tại chi nhánh kèm  
theo bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề chng khoán và hợp đồng lao động  
có ký giả công ty chng khoán và người hành nghề làm việc tại chi nhánh;  
quy định bổ nhiệm và Bản thông tin cá nhân (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV  
ban hành kèm theo Thông tư này) của Giám đốc chi nhánh.

4. Ủy ban Chng khoán Nhà nước tiến hành kiểm tra các số vụ thực tế trở  
tại địa điểm chi nhánh công ty chng khoán địa điểm thực hiện nghiệp vụ môi giới  
chng khoán, tổ chức chng khoán trước khi ra quyết định chấp thuận thành  
lập chi nhánh.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ  
đầy đủ, hợp lệ và kết quả kiểm tra các số vụ thực tế (nếu có), Ủy ban Chng khoán Nhà  
nước ra quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh. Trường hợp từ chối, Ủy ban  
Chng khoán Nhà nước phải lập biên bản và nêu rõ lý do.

6. Chi nhánh công ty ch ng khoán ph i chính th c tri n khai ho t ng trong vòng ba (03) tháng k t ngày c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n thành l p. Quá th i h n trên, y ban Ch ng khoán Nhà n c thu h i quy t nh ch p thu n thành l p chi nhánh.

#### **đ i u 19. óng c a chi nhánh**

Vi c óng c a chi nhánh c th c hi n theo trình t sau ây:

1. Công ty ch ng khoán n p h s ngh óng c a chi nhánh bao g m:

a) Gi y ngh óng c a chi nhánh (theo m u quy nh t i Ph l c IX ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty ch ng khoán v vi c óng c a chi nhánh;

c) Ph ng án x lý các h p ng giao d ch ch ng khoán ã ký v i khách hàng còn hi u l c, bao g m h p ng cung c p d ch v môi gi i, t v n u t và b o lãnh phát hành, trong ó nêu rõ vi c công b thông tin, thông báo cho khách hàng v vi c óng c a chi nhánh và th i h n khách hàng t t toán tài kho n t i thi u m i l m (15) ngày.

2. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày nh n c h s h p l theo quy nh t i kho n l i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch p thu n óng c a chi nhánh công ty ch ng khoán. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

3. Công ty ch ng khoán th c hi n óng c a chi nhánh theo ph ng án ã báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c.

4. Công ty ch ng khoán báo cáo k t qu th c hi n óng c a chi nhánh. Trong th i h n n m (05) ngày, k t ngày nh n c báo cáo, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh thu h i quy t nh thành l p chi nhánh công ty ch ng khoán.

#### **đ i u 20. Thay i a i m, s a i quy t nh thành l p chi nhánh**

1. H s ngh thay i a i m chi nhánh bao g m:

a) Gi y ngh thay i a i m chi nhánh (theo m u quy nh t i Ph

l c IX ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n các nghi p v kinh doanh t i a i m m i c a chi nhánh (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo tài li u ch ng minh quy n s d ng tr s chi nhánh;

c) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u v vi c thay i a i m t chi nhánh.

2. H s ngh b sung nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i chi nhánh bao g m:

a) Gi y ngh s a i quy t nh ch p thu n thành l p chi nhánh công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c X ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t ph c v cho nghi p v kinh doanh ngh b sung i v i tr ng h p b sung nghi p v môi gi i ch ng khoán, t doanh ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này);

c) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty ch ng khoán v vi c b sung nghi p v kinh doanh t i chi nhánh;

d) Danh sách ng i hành ngh ch ng khoán ang làm vi c t i các b ph n nghi p v c a công ty, chi nhánh, phòng giao d ch và danh sách ng i hành ngh ch ng khoán đ ki n th c hi n nghi p v kinh doanh ngh b sung t i chi nhánh kèm theo b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán và h p ng lao ng c ký k t gi a công ty ch ng khoán và ng i hành ngh ch ng khoán đ ki n th c hi n nghi p v kinh doanh ngh b sung t i chi nhánh.

3. H s ngh rút nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i chi nhánh bao g m:

a) Gi y ngh s a i quy t nh ch p thu n thành l p chi nhánh công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c X ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty chi ngân sách và việc rút nghĩa vụ kinh doanh tại chi nhánh;

c) Phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực, bao gồm hợp đồng mở tài khoản giao dịch chi ngân sách, hợp đồng tín dụng chi ngân sách và hợp đồng bảo lãnh phát hành chi ngân sách, trong đó nêu rõ việc công bố thông tin, thông báo cho khách hàng và việc công bố chi nhánh và thời hạn khách hàng tắt toán tài khoản tại chi nhánh (15) ngày.

4. Hội đồng thay đổi tên chi nhánh bao gồm:

a) Giám đốc địa phương quy định chi nhánh thành lập chi nhánh công ty chi ngân sách (theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu và việc đổi tên chi nhánh.

5. Hội đồng thay đổi giám đốc chi nhánh bao gồm:

a) Giám đốc địa phương quy định chi nhánh thành lập chi nhánh công ty chi ngân sách (theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty chi ngân sách và việc thay đổi giám đốc chi nhánh;

c) Bản thông tin cá nhân của Giám đốc chi nhánh (theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân, hợp đồng lao động và chứng chỉ hành nghề chi ngân sách phù hợp với nghĩa vụ kinh doanh đã được quy định tại chi nhánh.

6. Trường hợp công ty chi ngân sách thay đổi địa điểm chi nhánh phải áp dụng các điều kiện và các thủ tục theo quy định tại điểm khoản 2 của Điều 18 Thông tư này. Trường hợp chi nhánh địa điểm thay đổi địa điểm chi nhánh, Ủy ban Chi ngân sách Nhà nước kiểm tra các thủ tục tại địa điểm mới của chi nhánh và vị trí hợp pháp chi nhánh theo nghĩa vụ môi giới chi ngân sách, tài doanh chi ngân sách.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được sự yêu cầu, hợp lệ và kết quả kiểm tra các văn bản quy định nội dung bổ sung nghị quyết chi nhánh hoặc thay đổi địa điểm chi nhánh (nếu có), Ủy ban Công khai Nhà nước ra quyết định sai quy định chấp thuận thành lập chi nhánh. Trường hợp ngược lại, Ủy ban Công khai Nhà nước phải trình lập báo cáo và nêu rõ lý do.

### Mục 3

## PHÒNG GIAO DỊCH CÔNG TY CÔNG KHAI NHÀ COUNTRY

### Điều 21. Thành lập phòng giao dịch

1. Phòng giao dịch là đơn vị trực thuộc chính hoặc chi nhánh công ty công khai. Địa điểm phòng giao dịch nằm trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố của công ty công khai trực thuộc chính hoặc chi nhánh. Phòng giao dịch hỗ trợ các hiện các nghiệp vụ môi giới công khai, tư vấn đầu tư công khai và lưu ký công khai cho trực thuộc chính hoặc chi nhánh của phòng giao dịch phụ thuộc.

2. Việc thành lập phòng giao dịch của công ty công khai phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Thời điểm thành lập phòng giao dịch, công ty công khai không bị vướng vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát các bị kiện, hình phạt theo quy định hiện hành;
- b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công khai và thanh toán công khai trong vòng sáu (06) tháng tính đến thời điểm Ủy ban Công khai Nhà nước nhận được yêu cầu thành lập phòng giao dịch;
- c) Có trụ sở và trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động hỗ trợ nghiệp vụ kinh doanh công khai;
- d) Đảm bảo năng lực hành nghề công khai làm việc tại trực thuộc chính, chi nhánh và phòng giao dịch hiện có và có tối thiểu hai (02) người hành nghề

ch ng khoán làm vi c t i phòng giao d ch d ki n thành l p.

3. H s ngh thành l p phòng giao d ch bao g m:

a) Gi y ngh thành l p phòng giao d ch (theo m u quy nh t i Ph l c IX ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy trình nghi p v th c hi n t i phòng giao d ch;

c) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n h tr các nghi p v kinh doanh c a phòng giao d ch (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo tài li u ch ng minh quy n s d ng tr s phòng giao d ch;

d) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty ch ng khoán v vi c thành l p phòng giao d ch;

) Danh sách ng i hành ngh ch ng khoán c a toàn công ty; danh sách ng i hành ngh ch ng khoán làm vi c t i phòng giao d ch kèm theo b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán và h p ng lao ng c ký gi a công ty ch ng khoán và ng i hành ngh làm vi c t i phòng giao d ch công ty ch ng khoán.

4. y ban Ch ng khoán Nhà n c ki m tra c s v t ch t c a phòng giao d ch công ty ch ng khoán tr c khi ra quy t nh ch p thu n thành l p phòng giao d ch.

5. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày nh n c h s h p l và k t qu ki m tra c s v t ch t, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch p thu n thành l p phòng giao d ch. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

6. Phòng giao d ch công ty ch ng khoán ph i chính th c tri n khai ho t ng trong vòng ba (03) tháng k t ngày c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n. Quá th i h n trên, y ban Ch ng khoán Nhà n c thu h i quy t nh ch p thu n thành l p phòng giao d ch.

## **í u 22. óng c a phòng giao d ch**

1. H s ngh óng c a phòng giao d ch bao g m:

a) Gi ý ngh óng c a phòng giao d ch (theo m u quy nh t i Ph l c IX ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty ch ng khoán v vi c óng c a phòng giao d ch;

c) Ph ng án x lý các h p ng giao d ch ch ng khoán ã ký v i khách hàng còn hi u l c, trong ó nêu rõ vi c công b thông tin, thông báo cho khách hàng v vi c óng c a phòng giao d ch và th i h n khách hàng t t toán tài kho n t i thi u m i l m (15) ngày.

2. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày nh n c h s h p l theo quy nh t i kho n l i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch p thu n óng c a phòng giao d ch công ty ch ng khoán. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

3. Công ty ch ng khoán th c hi n óng c a phòng giao d ch theo ph ng án ã báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c.

4. Công ty ch ng khoán ph i báo cáo k t qu th c hi n óng c a phòng giao d ch. Trong th i h n n m (05) ngày, k t ngày nh n c báo cáo, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh thu h i quy t nh ch p thu n thành l p phòng giao d ch công ty ch ng khoán.

### **i u 23. Thay i a i m, s a i quy t nh ch p thu n thành l p phòng giao d ch**

1. H s ngh thay i a i m phòng giao d ch bao g m:

a) Gi ý ngh thay i a i m phòng giao d ch công ty ch ng khoán (theo m u quy nh t i Ph l c IX ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n h tr các nghi p v kinh doanh t i a i m m i c a phòng giao d ch (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo tài li u ch ng minh quy n s d ng tr s phòng giao d ch;

c) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u v vi c thay i a i m t phòng giao d ch.

2. Hội đồng thay đổi tên phòng giao dịch bao gồm:

a) Giám đốc tài chính quy định thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị về tên phòng giao dịch.

3. Công ty chứng khoán thay đổi địa điểm phòng giao dịch phải áp dụng các điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 21 Thông tư này. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kiểm tra cơ sở vật chất tại địa điểm mới của phòng giao dịch.

4. Trong thời hạn tối thiểu (15) ngày, kể từ ngày nhận được sự yêu cầu, hợp lệ, kết quả kiểm tra cơ sở vật chất, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định sửa đổi quy định thành lập phòng giao dịch. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trình lập báo cáo và nêu rõ lý do.

#### **Mục 4**

### **VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

#### **Điều 24. Thành lập văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện là đơn vị thực công ty chứng khoán. Địa điểm đặt văn phòng đại diện không nằm trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố nơi công ty chứng khoán đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh.

2. Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện bao gồm mua, mua sắm hoặc toàn bộ nội dung sau đây:

- a) Thực hiện các công việc văn phòng liên lạc và nghiên cứu thị trường;
- b) Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác trong lĩnh vực chứng khoán và thương mại chứng khoán tại địa điểm văn phòng đại diện;
- c) Thúc đẩy, giám sát thực hiện các dự án, hợp đồng thanh toán đã ký kết

liên quan đến lĩnh vực công ty đang hoạt động.

3. Văn phòng đại diện không thể thực hiện hoạt động kinh doanh, không thể thực hiện các hoạt động liên quan đến giao dịch chứng khoán, không được tiếp xúc gián tiếp ký kết các hợp đồng kinh tế.

4. Việc thành lập văn phòng đại diện của công ty chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Thời điểm thành lập văn phòng đại diện, công ty chứng khoán không bắt đầu tình trạng kiểm soát, kiểm soát bất hợp pháp hình thành hoạt động theo quy định hiện hành;

b) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thanh toán chứng khoán trong vòng sáu (06) tháng tính đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thành lập văn phòng đại diện;

c) Có trụ sở tại văn phòng đại diện.

5. Hội đồng thành lập văn phòng đại diện bao gồm:

a) Giám đốc thành lập văn phòng đại diện (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chứng khoán và việc thành lập văn phòng đại diện, trong đó nêu rõ phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Tài liệu chứng minh quy định của trụ sở tại văn phòng đại diện.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quy định chấp thuận thành lập văn phòng đại diện. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **Điều 25. Ông chủ văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện công ty chứng khoán ông chủ trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện chấm dứt hoạt động;

b) Nhiệm vụ phòng kế toán đã có chi nhánh hoặc trụ sở chính của công ty chi ngân sách.

2. Hội đồng quản trị của phòng kế toán bao gồm:

a) Giám đốc quản trị của phòng kế toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của công ty chi ngân sách và vị trí của phòng kế toán.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị theo quy định khoản 2 điều này, Ủy ban Ngân sách Nhà nước ra quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận phòng kế toán và thu hồi quy định thành lập phòng kế toán. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Ngân sách Nhà nước phải trình lập ngân sách và nêu rõ lý do.

**Điều 26. Thay đổi địa điểm, địa chỉ quy định chấp thuận thành lập phòng kế toán**

1. Hội đồng thay đổi địa điểm của phòng kế toán bao gồm:

a) Giám đốc thay đổi địa điểm của phòng kế toán công ty chi ngân sách (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của vị trí thay đổi địa điểm của phòng kế toán;

c) Tài liệu chứng minh quy định của trụ sở tại phòng kế toán.

2. Hội đồng thay đổi tên của phòng kế toán bao gồm:

a) Giám đốc của quy định chấp thuận thành lập phòng kế toán công ty chi ngân sách (theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quy định của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của vị trí của tên của phòng kế toán.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ủy ban Ngân sách Nhà nước ra quyết định của quy định chấp thuận

thành lập và phòng đi đ. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

## **Ch ng IV**

### **QU N TR , I U HÀNH CÔNG TY CH NG KHOÁN**

#### **i u 27. Nguyên t c qu n tr i u hành**

1. Công ty ch ng khoán ph i tuân th các quy nh c a Lu t Ch ng khoán, Lu t Doanh nghi p và các quy nh khác c a pháp lu t có liên quan v qu n tr công ty. Công ty ch ng khoán ph i ban hành i u l phù h p v i i u l m u quy nh t i Ph l c XI ban hành kèm theo Thông t này.

2. Công ty ch ng khoán có trách nhi m trung th c v i khách hàng, không c xâm ph m tài s n, các quy n và l i ích h p pháp khác c a khách hàng.

3. Công ty ch ng khoán ph i phân nh rõ trách nhi m gi a i h i ng c ông, H i ng thành viên, Ch s h u, H i ng qu n tr , Ban ki m soát, Ban Giám c phù h p v i Lu t Ch ng khoán, Lu t Doanh nghi p và các quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.

4. Công ty ch ng khoán ph i thi t l p h th ng thông tin liên l c v i các c ông, thành viên m b o cung c p thông tin y và i x công b ng gi a các c ông, gi a các thành viên, m b o các quy n và l i ích h p pháp c a c ông, c a thành viên.

#### **i u 28. B máy qu n tr c a công ty ch ng khoán**

1. B máy qu n tr c a công ty ch ng khoán là công ty c ph n bao g m i h i ng c ông, H i ng qu n tr , Ban ki m soát, Ban Giám c.

2. B máy qu n tr c a công ty ch ng khoán là công ty trách nhi m h u h n m t thành viên, công ty trách nhi m hai thành viên tr lên bao g m H i ng thành viên, Ban ki m soát, Ban Giám c.

3. Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng thành viên ho c Giám c (T ng giám c) là ng i i đ n theo pháp lu t c a công ty theo quy nh t i i u l công ty.

## **điểm 29. Công, thành viên**

1. Công sáng lập, thành viên sáng lập công ty ch ng khoán không chuyên nh ng c ph n, ph n v n góp ban u c a mình trong vòng ba (03) n m k t ngày c c p Gi y phép thành l p và ho t ng, tr tr ng h p chuyên nh ng cho c công sáng l p, thành viên sáng l p khác. Trong th i h n này, ngân hàng th ng m i, doanh nghi p b o hi m ho c t ch c n c ngoài theo quy nh t i kho n 7, kho n 8 i u 3 Thông t này ph i luôn m b o n m gi t i thi u ba m i ph n tr m (30%) v n i u l công ty ch ng khoán.

2. Công, thành viên s h u t m i ph n tr m (10%) tr lên v n c ph n ho c ph n v n góp c a m t công ty ch ng khoán và ng i có liên quan c a c công, thành viên góp v n ó không c s h u trên n m ph n tr m (5%) s c ph n ho c ph n v n góp c a m t công ty ch ng khoán khác.

3. Công, thành viên s h u t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l c a công ty ch ng khoán không c l i d ng u th c a mình gây t n h i n quy n và l i ích c a công ty và các c công khác.

4. Công, thành viên s h u t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l c a công ty ch ng khoán ph i thông báo y cho công ty ch ng khoán trong vòng hai m i t (24) gi k t khi nh n c thông tin, i v i các tr ng h p sau:

a) S c ph n ho c ph n v n góp b phong t a, c m c ho c b x lý theo quy t nh c a tòa án;

b) Công, thành viên là t ch c quy t nh thay i tên ho c sáp nh p, chia tách, gi i th , phá s n.

5. Công ty ch ng khoán ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c v các tr ng h p quy nh t i kho n 4 i u này trong th i h n n m (05) ngày k t ngày nh n c thông báo c a c công, thành viên.

**đ i u 30. Giao đ ch làm thay đ i quy n s h u c ph n ho c ph n v n  
góp chi m t 10% tr lên v n đ i u l ã góp c a công ty ch ng khoán**

1. Giao đ ch chuy n nh ng c ph n ho c ph n v n góp tr thành c ông ho c thành viên góp v n n m gi t m đ i ph n tr m (10%) tr lên v n đ i u l ã góp c a công ty ch ng khoán ph đ c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n, tr tr ng h p c phi u c a công ty ch ng khoán c niêm y t, ng ký giao đ ch t đ S Giao đ ch ch ng khoán và tr ng h p chuy n nh ng theo quy t nh c a tòa án.

2. H s ngh ch p thu n giao đ ch bao g m:

a) Gi y ngh chuy n nh ng c ph n ho c ph n v n góp (theo m u quy nh t đ Ph l c XII ban hành kèm theo Thông t này);

b) B n sao h p l gi y ngh chuy n nh ng gi a các bên;

c) H p ng nguyên t c vi c chuy n nh ng ã c bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng thông qua;

d) B n thông tin cá nhân (theo m u quy nh t đ Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo b n sao h p l Gi y ch ng minh nhân dân c a c ông m đ đ i v đ tr ng h p c ông m đ là cá nhân ho c b n sao Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh đ i v đ tr ng h p c ông m đ là pháp nhân;

đ) Quy t nh c a H đ ng qu n tr , H đ ng thành viên ho c Ch s h u bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng đ i v đ tr ng h p bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng là t ch c;

e) V n b n xác nh n c a công ty ch ng khoán v tính h p l c a vi c chuy n nh ng;

g) Tr ng h p giao đ ch làm thay đ i quy n s h u c ph n, ph n v n góp có y u t n c ngoài, các tài li u vi t b ng ti ng n c ngoài ph đ c m t t ch c có ch c n ng đ ch thu t theo quy nh c a pháp lu t Vi t Nam đ ch ch ng th c sang ti ng Vi t. Các v n b n đ c quan Nhà n c có th m quy n n c ngoài c p ph đ c h p pháp hóa lãnh s theo quy nh pháp lu t liên quan.

3. Hội đồng chấp thuận giao dịch có lập thành mặt (01) bằng công chứng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố ra.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận chấp thuận, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận giao dịch. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải lập văn bản và nêu rõ lý do.

5. Các bên liên quan phải hoàn tất các thủ tục giao dịch đã chấp thuận trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có hiệu lực. Trường hợp không hoàn tất chuyển nhượng trong thời hạn nêu trên, văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước mất hiệu lực.

6. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày giao dịch chuyển nhượng đã hoàn tất, công ty chứng khoán phải báo cáo kết quả giao dịch với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 31. Nghĩa vụ công chứng, Nghĩa vụ thành viên**

1. Công ty chứng khoán phải xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự ưu tiên và biện pháp xử lý nghĩa vụ công chứng, Nghĩa vụ thành viên và nghĩa vụ công chứng, Nghĩa vụ thành viên thông qua.

2. Công ty chứng khoán là công ty chấp hành pháp nghĩa vụ công chứng thành niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thực hiện theo thời hạn nêu trên, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và pháp lý chấp hành nghĩa vụ công chứng thành niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.

3. Công ty chứng khoán phải báo cáo kết quả chấp hành nghĩa vụ công chứng, Nghĩa vụ thành viên kèm theo quy định và các tài liệu liên quan cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chấp hành nghĩa vụ công chứng, Nghĩa vụ thành viên.

### **đ i u 32. H i ng qu n tr , H i ng thành viên**

1. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên c a công ty ch ng khoán không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên, Giám c (T ng Giám c) c a công ty ch ng khoán khác.

2. Ch c n ng nhi m v và các n i dung y quy n cho H i ng qu n tr , H i ng thành viên ph i c quy nh c th .

3. Ch c n ng, nhi m v c a t ng thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên ph i c quy nh rõ ràng.

4. H i ng qu n tr , H i ng thành viên ph i xây d ng quy trình n i b v th t c, trình t tri u t p và bi u quy t t i cu c h p H i ng qu n tr , H i ng thành viên.

5. H i ng qu n tr , H i ng thành viên ph i thi t l p các b ph n ho c c ng i th c hi n nhi m v qu n tr r i ro theo quy nh t i kho n 1 đ i u 35 Thông t này và nhi m v ki m soát n i b theo quy nh t i kho n 1 đ i u 36 Thông t này.

### **đ i u 33. Ban ki m soát**

1. Tr ng Ban ki m soát c a công ty ch ng khoán không c ng th i là thành viên Ban ki m soát ho c ng i qu n lý c a công ty ch ng khoán khác.

2. Ban ki m soát ph i xây d ng quy trình ki m soát và ph i c i h i ng c ông ho c H i ng thành viên thông qua.

3. i v i Ban ki m soát có t hai (02) thành viên tr lên, Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n trong m t n m. Biên b n h p ph i c ghi chép trung th c, y n i dung h p và ph i c l u gi theo quy nh.

4. Khi phát hi n có thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên, Ban Giám c vi ph m pháp lu t, đ i u l công ty, đ n n xâm ph m quy n và l i ích c a công ty, c ông, Ch s h u ho c khách hàng, Ban ki m soát có trách nhi m yêu c u gi i trình trong th i gian nh t nh ho c ngh tri u t p i h i ng c ông, H i ng thành viên, Ch s h u gi i

quy t. i v i các vi ph m pháp lu t, Ban ki m soát ph i báo cáo b ng v n b n cho y ban Ch ng khoán Nhà n c trong th i h n b y (07) ngày làm vi c k t ngày phát hi n vi ph m.

#### **i u 34. Ban Giám c**

1. Giám c (T ng Giám c) là ng i i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty ch ng khoán, ch u s giám sát c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên và ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr , H i ng thành viên và tr c pháp lu t v vi c th c hi n các quy n và nhi m v c giao.

2. Giám c (T ng Giám c), Phó Giám c (Phó T ng Giám c) công ty ch ng khoán không c ng th i làm vi c cho công ty ch ng khoán, công ty qu n lý qu ho c doanh nghi p khác; Giám c (T ng Giám c) công ty ch ng khoán không c là thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên c a công ty ch ng khoán khác.

3. Giám c (T ng Giám c) công ty ch ng khoán ph i áp ng các tiêu chu n sau:

a) Không ph i là ng i ã t ng ho c ang b truy c u trách nhi m hình s , b ph t tù ho c b tòa án t c quy n hành ngh theo quy nh c a pháp lu t;

b) Có kinh nghi m chuyên môn trong l nh v c tài chính, ngân hàng, ch ng khoán ít nh t ba (03) n m và có kinh nghi m qu n lý i u hành t i thi u ba (03) n m;

c) Có Ch ng ch hành ngh phân tích tài chính ho c Ch ng ch hành ngh qu n lý qu ;

d) Không b y ban Ch ng khoán Nhà n c x ph t theo pháp lu t ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán trong vòng hai (02) n m g n nh t.

4. Phó Giám c (Phó T ng giám c) ph trách b ph n chuyên môn nghi p v ph i áp ng các tiêu chu n theo quy nh t i i m a, d theo quy nh t i kho n 3 i u này, có ch ng ch hành ngh ch ng khoán phù h p v i ph m vi c phân công ph trách, có kinh nghi m chuyên môn trong l nh v c tài chính,

ngân hàng, ch ng khoán ít nh t hai (02) n m và có kinh nghi m qu n lý i u hành t i thi u hai (02) n m.

5. Công ty ch ng khoán ph i xây d ng các quy nh làm vi c c a Ban Giám c và ph i c H i ng qu n tr , H i ng thành viên thông qua. Quy nh làm vi c t i thi u ph i có các n i dung c b n sau ây:

- a) Trách nhi m, nhi m v c th c a thành viên Ban Giám c;
- b) Quy nh trình t , th t c t ch c và tham gia các cu c h p;
- c) Trách nhi m báo cáo c a Ban Giám c i v i H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ban ki m soát.

### **i u 35. Qu n tr r i ro**

1. Trong vi c qu n tr r i ro, H i ng qu n tr , H i ng thành viên có ch c n ng, nhi m v :

- a) Quy nh chính sách chi n l c qu n lý r i ro trong ho t ng c a công ty;
- b) Ki m tra, ánh giá v s phù h p, hi u qu c a h th ng qu n tr r i ro ã c thi t l p trong công ty.

2. Ban Giám c ph i thi t l p và duy trì h th ng th c thi qu n tr r i ro nh m m b o ng n ng a các r i ro có th nh h ng t i l i ích c a công ty và khách hàng c a công ty. H th ng th c thi qu n tr r i ro th c hi n các nhi m v sau:

- a) Xác nh chính sách th c thi qu n tr r i ro;
- b) Xác nh m c ch p nh n r i ro c a công ty;
- c) Xác nh r i ro c a công ty;
- d) o l ng r i ro;
- e) Giám sát, ng n ng a, phát hi n và x lý r i ro;
- f) Báo cáo th c thi qu n tr r i ro.

3. y ban Ch ng khoán Nhà n c h ng d n h th ng qu n tr r i ro áp d ng cho công ty ch ng khoán.

### **i u 36. Kiểm toán nội bộ**

1. Công ty chứng khoán là công ty cổ phần nội chúng hoặc công ty cổ phần phép thể hiện nghị quyết môi giới chứng khoán phải thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên). Bộ phận kiểm toán nội bộ có chức năng, nhiệm vụ:

a) Đánh giá công việc phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, nội quy, các quy định của Hội đồng, Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh nội vi các chính sách và quy trình nội bộ;

d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo vệ an toàn tài sản;

f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

k) Thể hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

l) Kiểm tra các vi phạm trong nội bộ công ty chứng khoán;

m) Thể hiện kiểm toán nội bộ công ty chứng khoán và các công ty con của công ty chứng khoán.

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bao gồm các nguyên tắc sau:

a) Tính độc lập: Bộ phận kiểm toán nội bộ công việc của các bộ phận khác của công ty chứng khoán, không báo cáo hành động; hoạt động kiểm toán nội bộ công việc của các hoạt động nội hành, nghị quyết của công ty chứng khoán; cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không tham gia vào các công việc thu nhập

tăng ca kỹ thuật toán nghiệp vụ, không có kiêm nhiệm công việc tại các bộ phận nghiệp vụ như môi giới, tư vấn, phân tích, tư vấn thuế, bộ phận phát hành, quản trị rủi ro;

b) Tính khách quan: bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ, nhân viên bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ phải làm bộ phận tính khách quan, công bằng, không thiên vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình. Công ty chúng tôi khoán phí bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện ứng dụng nhiệm vụ của mình;

Nhân viên kỹ thuật toán nghiệp vụ phải thể hiện tính khách quan trong quá trình thu thập, đánh giá và truyền tải thông tin về hoạt động hoặc các quy trình, hệ thống hoặc các công việc kỹ thuật toán. Kỹ thuật toán viên nghiệp vụ cần đưa ra đánh giá một cách công bằng về tất cả các vấn đề liên quan và không bị chi phối bởi mọi tiêu chuẩn lệ riêng hoặc bất kỳ khác khi đưa ra nhận xét, đánh giá của mình;

c) Tính trung thực: kỹ thuật toán viên nghiệp vụ phải thể hiện công việc của mình một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm; tuân thủ luật pháp và thể hiện các nội dung công việc công khai theo quy định của pháp luật và nghề nghiệp;

d) Bộ phận: nhân viên bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ cần tôn trọng giá trị và quy chuẩn của thông tin nhận được, không có tiết lộ thông tin mà không có sự quy định trước khi có nghĩa vụ tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty.

### 3. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ

a) Người làm việc bộ phận này không phải là người đã từng bị xử phạt về mặt pháp lý liên quan đến các hành vi vi phạm trong lĩnh vực ngân hàng, bộ phận trong vòng năm (05) năm gần nhất tính từ năm cuối nhiệm vụ;

b) Trưởng bộ phận kỹ thuật toán nghiệp vụ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kỹ thuật toán; Có kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền thực thi

có hi u qu nhi m v c giao;

c) Không ph i là ng i có liên quan n các tr ng b ph n chuyên môn, ng i th c hi n nghi p v , Giám c (T ng Giám c), Phó Giám c (Phó T ng Giám c), Giám c chi nhánh trong công ty ch ng khoán;

d) Có Ch ng ch Nh ng v n c b n v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và Ch ng ch Pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán ho c Ch ng ch hành ngh ch ng khoán;

) Không kiêm nhi m các công vi c khác trong công ty ch ng khoán.

### **i u 37. Ki m soát n i b**

1. Công ty ch ng khoán ph i thi t l p b ph n ki m soát n i b tr c thu c Ban Giám c (Ban T ng giám c). H th ng ki m soát n i b bao g m các quy trình, b máy, nhân s c l p và chuyên trách.

2. B ph n ki m soát n i b tr c thu c Ban Giám c có nhi m v ki m soát tuân th nh ng n i dung sau:

a) Ki m tra, giám sát vi c tuân th các quy nh pháp lu t, i u l công ty, quy t nh c a i h i ng c ông, quy t nh c a H i ng qu n tr , các quy ch , quy trình nghi p v , quy trình qu n tr r i ro c a công ty, c a các b ph n có liên quan và c a ng i hành ngh ch ng khoán trong công ty;

b) Giám sát th c thi các quy nh n i b , các ho t ng t i m n xung t l i ích trong n i b công ty, c bi t i v i các ho t ng kinh doanh c a b n thân công ty và các giao d ch cá nhân c a nhân viên công ty; giám sát vi c th c thi trách nhi m c a cán b , nhân viên trong công ty, th c thi trách nhi m c a i tác i v i các ho t ng ã y quy n;

c) Ki m tra n i dung và giám sát vi c th c hi n các quy t c v o c ngh nghi p;

d) Giám sát vi c tính toán và tuân th các quy nh m b o an toàn tài chính;

) Tách bi t tài s n c a khách hàng;

e) B o qu n, l u gi tài s n c a khách hàng;

g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) giao.

3. Công ty chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm soát nội bộ bao gồm các cuộc kiểm tra, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, nhân viên, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm tuân thủ các tiêu:

a) Hoạt động của công ty chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;

b) Bộ quy định nội bộ khách hàng;

c) Hoạt động của công ty chịu trách nhiệm an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

d) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của công ty.

4. Yêu cầu nhân sự của bộ phận kiểm soát nội bộ:

a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc chi nhánh trong công ty chịu trách nhiệm;

c) Có Chứng chỉ Nhân viên Chứng khoán và trưởng công ty chịu trách nhiệm chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật chứng khoán và trưởng công ty chịu trách nhiệm công chứng hành nghề chứng khoán;

d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong công ty chịu trách nhiệm.

### **Điều 38. Quản lý nghiệp vụ hành nghề chứng khoán**

1. Trưởng hợp tác xã là người đi đầu tiên và đóng góp vào ban quản lý công ty của các hộ công ty chứng khoán hoặc các thành viên mà công ty chứng khoán có mặt, người hành nghề chứng khoán không:

a) người làm việc cho tổ chức khác có quan hệ hữu vi công ty chng khoán n i mình làm việc;

b) người làm việc cho công ty chng khoán, công ty quản lý qu khác;

c) người làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.

2. Người hành nghề chng khoán đang làm việc cho công ty chng khoán có tài khoản giao dịch chng khoán cho mình (nếu có) tại công ty chng khoán n i mình đang làm việc. Quy định này không áp dụng đối với trợ giúp người hành nghề chng khoán đang làm việc cho công ty chng khoán không phải là thành viên của Sở giao dịch chng khoán.

3. Người hành nghề chng khoán là người thay mặt cho công ty chng khoán thực hiện các giao dịch với khách hàng và công ty chng khoán phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chng khoán khi thực hiện các nghiệp vụ của công ty chng khoán. Người hành nghề chng khoán không có số đăng tin, chng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không có công ty chng khoán ủy quyền theo sự yêu cầu của khách hàng cho công ty chng khoán bên ngoài.

4. Người hành nghề chng khoán phải tham gia các khóa tập huấn bắt buộc về văn bản pháp luật, hệ thống giao dịch, loại chng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chng khoán tổ chức.

## Chương V

### QUẢN LÝ AN TOÀN TÀI CHÍNH

#### Điều 39. Tổng giám đốc

##### 1. Tổng giám đốc

a) Công ty chng khoán không có chủ tịch nội bộ khi chưa chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chng khoán;

b) Công ty ch ng khoán là công ty trách nhi m h u h n th c hi n t ng v n i u l theo các hình th c quy nh c a Lu t Doanh nghi p. Tr c khi th c hi n vi c t ng v n i u l công ty ch ng khoán ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c, h s báo cáo g m:

- Thông báo v vi c t ng v n i u l ;
- Quy t nh c a H i ng thành viên, Ch s h u v vi c t ng v n và ph ng án huy ng v n ã c H i ng thành viên, Ch s h u công ty ch ng khoán thông qua;
- Danh sách thành viên góp v n m i, thành viên góp t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l c a công ty ch ng khoán kèm theo các tài li u quy nh t i i m d kho n 2 i u 30 Thông t này.

c) Công ty ch ng khoán là công ty c ph n c t ng v n i u l theo các hình th c sau:

- Phát hành c phi u m i t ng v n i u l th c hi n theo quy nh c a pháp lu t có liên quan, bao g m c hình th c chuy n n thành v n góp theo th a thu n gi a ch n và công ty ch ng khoán;

- Chuy n i trái phi u ã phát hành thành c ph n theo quy nh pháp lu t;

- K t chuy n ngu n th ng đ v n, l i nhu n l i và các ngu n h p l khác b sung t ng v n i u l . Công ty ch ng khoán c s đ ng ngu n th ng đ v n do chênh l ch gi a giá bán và giá v n mua vào c a c phi u qu

b sung t ng v n i u l sau khi ã bán h t c phi u qu . Công ty ch ng khoán c s đ ng ngu n th ng đ v n do chênh l ch gi a giá bán và m nh giá c a c phi u phát hành b sung t ng v n i u l sau m t n m k t th i i m k t thúc t phát hành.

d) Tr c khi th c hi n t ng v n i u l theo hình th c chuy n i trái phi u và hình th c k t chuy n các ngu n h p l quy nh t i i m c kho n l i u này, công ty ch ng khoán ph i ng ký v i y ban Ch ng khoán Nhà n c. Tài li u ng ký bao g m:



- Sau khi ghi m v n i u l , công ty ch ng khoán ph i m b o thanh toán các kho n n và ngh a v tài s n khác ng th i m b o v n pháp nh cho các nghi p v kinh doanh ch ng khoán c c p phép theo quy nh hi n hành, t l v n kh đ ng sau khi mua l i c phi u, ph n v n góp t t i thi u t 180% tr lên.

d) Tr c khi th c hi n vi c gi m v n i u l công ty ch ng khoán ph i báo cáo U ban Ch ng khoán Nhà n c, h s báo cáo g m:

- Thông báo v vi c gi m v n i u l ;

- Quy t nh c a H i ng thành viên, i h i ng c ông v vi c gi m v n i u l và ph ng án gi m v n i u l ã c H i ng thành viên, i h i ng c ông công ty ch ng khoán thông qua;

- Báo cáo tài chính ã c ki m toán b i t ch c ki m toán ã c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu ng n nh t v i th i i m quy t nh gi m v n i u l ;

- Ý ki n c a các ch n v vi c gi m v n có xác nh n c a t ch c ki m toán c l p c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n;

- Cam k t c a các thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên b o m thanh toán các kho n n và ngh a v tài s n khác sau khi gi m v n i u l .

3. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày nh n c tài li u h p l v vi c t ng, gi m v n i u l theo quy nh t i kho n 1, 2 i u này, U ban Ch ng khoán Nhà n c tr l i công ty ch ng khoán b ng v n b n v vi c t ng, gi m v n i u l .

4. Sau khi hoàn t t vi c th c hi n t ng v n i u l , mua l i c phi u, ph n v n góp gi m v n, công ty ch ng khoán th c hi n th t c i u ch nh Gi y phép thành l p và ho t ng theo quy nh t i i u 12 Thông t này.

#### **i u 40. Ch tiêu an toàn tài chính**

1. Công ty ch ng khoán ph i m b o các ch tiêu an toàn tài chính theo quy nh c a B Tài chính.

2. Báo cáo tài chính và báo cáo thuế hàng năm phải được kiểm toán độc lập và được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập có thẩm quyền. Báo cáo tài chính và báo cáo thuế hàng năm phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập có thẩm quyền.

3. Công ty kiểm toán độc lập có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin internet của công ty kiểm toán độc lập và công ty kiểm toán độc lập kiểm toán, kiểm toán các tài khoản và các thông tin liên quan khác của công ty kiểm toán độc lập trong thời hạn hai mươi (24) giờ kể từ khi ra quyết định của công ty kiểm toán độc lập vào tình hình kiểm toán, kiểm toán các tài khoản.

#### **Điều 41. Chính sách ưu đãi**

1. Trường hợp mua chính sách ưu đãi theo yêu cầu của khách hàng hoặc mua chính sách ưu đãi theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, công ty kiểm toán độc lập là công ty chính sách ưu đãi không quá mức trần (10%) số vốn đầu tư thông qua phát hành làm chính sách ưu đãi.

2. Công ty kiểm toán độc lập chỉ được dùng nguồn vốn của mình, tiền gửi và các nguồn khác (không bao gồm quỹ phòng tài chính) theo quy định của pháp luật mua chính sách ưu đãi. Sau khi mua chính sách ưu đãi, công ty kiểm toán độc lập phải báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Các quy định trên đây được tính theo Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (trường hợp công ty kiểm toán độc lập là công ty mẹ) của công ty kiểm toán độc lập gần nhất nhưng không quá sáu tháng tính đến thời điểm mua chính sách ưu đãi.

3. Việc mua hoặc bán chính sách ưu đãi phải được thông qua công ty thông qua.

4. Công ty kiểm toán độc lập chỉ được bán chính sách ưu đãi sau sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc mua chính sách ưu đãi gần nhất, trường hợp phân phối cho người lao động trong công ty hoặc dùng làm chính sách ưu đãi. Trường hợp dùng làm chính sách ưu đãi cho người lao động phải được thông qua và phải báo cáo nguồn vốn của mình.

5. Công ty ch ng khoán th c hi n mua ho c bán c phi u qu phi có ph ng án mua ho c bán c phi u qu trong ó nêu rõ th i gian th c hi n, nguyên t c xác nh giá, và phi báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c b ng v n b n ng th i công b thông tin ch m nh t là b y (07) ngày tr c ngày th c hi n vi c mua ho c bán c phi u qu . Báo cáo và công b thông tin bao g m n i dung ch y u sau:

- a) M c ích mua ho c bán c phi u qu ;
- b) S l ng c phi u t i a d ki n mua ho c bán;
- c) Ngu n v n mua;
- d) Nguyên t c xác nh giá;
- e) Th i gian th c hi n giao d ch;
- f) Giá d ki n th c hi n.

6. Trong th i h n m i (10) ngày k t khi k t thúc giao d ch mua ho c bán c phi u qu , công ty ch ng khoán phi báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c và công b thông tin, nêu rõ lý do n u không th c hi n h t s l ng c phi u d ki n mua ho c bán c phi u qu .

7. Công ty ch ng khoán không c mua c phi u qu trong các tr ng h p sau:

- a) Công ty ang có n quá h n;
- b) Công ty ang trong quá trình chào bán c phi u huy ng thêm v n;
- c) Công ty ang th c hi n tách, g p c phi u;
- d) Công ty ang th c hi n bán c phi u qu ;
- e) C phi u c a công ty ang là i t ng chào mua công khai.

8. Công ty ch ng khoán phi k t thúc vi c mua ho c bán c phi u qu theo th i gian ã công b nh ng t i a không quá ba m i (30) ngày k t ngày b t u th c hi n giao d ch.

9. Công ty ch ng khoán không c mua c phi u sau làm c phi u qu :

- a) C phi u c a c ông l n, ng i qu n lý công ty và ng i liên quan theo quy nh c a Lu t Ch ng khoán, tr tr ng h p c phi u c a công ty

ch ng khoán ã c niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán;

b) C ph n b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

10. Tr ng h p công ty ch ng khoán bán c phi u qu có u ãi cho các i t ng nêu t i i m a kho n 9 i u này, ph i c i h i ng c ông thông qua, các i t ng có l i ích liên quan không c tham gia bi u quy t.

11. Công ty ch ng khoán không c thay i và ph i th c hi n ph ng án mua, bán c phi u qu ã báo cáo và công b . Tr ng h p không th c hi n c, công ty ch ng khoán ph i có lý do h p lý, có v n b n gi i trình gi y ban Ch ng khoán Nhà n c và công b thông tin theo quy nh.

12. Tr ng h p bán c phi u qu theo hình th c chào bán ch ng khoán ra công chúng, công ty ch ng khoán ph i th c hi n theo quy nh v chào bán ch ng khoán ra công chúng.

#### **i u 42. H n ch vay n**

1. T l t ng n trên v n ch s h u c a công ty ch ng khoán không c v t quá ba (03) l n. Giá tr t ng n theo quy nh này không bao g m các kho n sau ây:

- a) Ti ng i giao d ch ch ng khoán c a khách hàng;
- b) Qu khen th ng phúc l i;
- c) D phòng tr c p m t vi c làm;
- d) D phòng b i th ng thi t h i cho nhà u t .

2. N ng n h n c a công ty ch ng khoán t i a b ng tài s n ng n h n.

#### **i u 43. H n ch cho vay**

1. Công ty ch ng khoán không c cho vay ti n và ch ng khoán d i m i hình th c, tr tr ng h p công ty ch ng khoán cho khách hàng vay ti n mua ch ng khoán theo quy nh v giao d ch ký qu ch ng khoán c a B Tài chính.

2. Công ty ch ng khoán không c cho vay d i b t k hình th c nào i v i các c ông l n, thành viên Ban Ki m soát, thành viên H i ng qu n

tr, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của nhà经营 nêu trên.

#### **Điều 44. Hạn chế**

1. Công ty chỉ được khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trong hợp tác xã để làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chỉ được khoán.

2. Công ty chỉ được khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tài sản cố định của công ty chỉ được khoán.

3. Công ty chỉ được khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu các khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty con niêm yết.

4. Công ty chỉ được khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào các phi vụ hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chỉ được khoán, trừ trường hợp mua các phi vụ lớn theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư thêm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chỉ được khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số phi vụ, chi ngân sách quản lý hành chính tài chính công ty;

d) Đầu tư quá mười phần trăm (15%) tổng số phi vụ, chi ngân sách quản lý hành chính tài chính công ty, quy định này không áp dụng đối với chi ngân sách quản lý thành viên;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc đơn vị kinh doanh;

e) Ưu đãi quá mức 15% phần trăm (15%) vốn chi sử dụng vào mặt tài sản cố định.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định về thẩm định và khoản 4 điều này. Công ty chứng khoán được kê khai thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải áp dụng các điều kiện sau:

a) Vốn chi sử dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải thiêu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khế thừa sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải thiêu phải ít nhất tám mươi phần trăm (80%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại điều 42 Thông tư này và hạn chế ưu đãi khoản 3 điều này và điểm khoản 4 điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán ưu đãi vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chi sử dụng của công ty chứng khoán hoặc thực góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết tuân thủ hạn mức ưu đãi theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 điều này tại địa phương thi hành hạn mức (01) năm.

**Chương VI**  
**HỢP TÁC CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**  
**Mục 1**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 45. Nguyên tắc hoạt động**

1. Công ty chứng khoán phải ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro áp dụng cho các nghiệp vụ các phép hoạt động.

2. Công ty chứng khoán phải ban hành các quy tắc giao dịch hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của công ty.

3. Công ty chứng khoán phải đảm bảo tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để tránh xung đột lợi ích giữa công ty chứng khoán với khách hàng hoặc giữa các khách hàng với nhau. Công ty chứng khoán phải công bố cho khách hàng biết trình tự và mức độ xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa công ty chứng khoán, nghiệp vụ hành nghề chứng khoán và khách hàng.

4. Công ty chứng khoán phải bố trí nghiệp vụ hành nghề chứng khoán có chức năng hành nghề chứng khoán phù hợp với các nghiệp vụ hoạt động. Nghiệp vụ hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tài doanh chứng khoán không được tham gia thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

5. Công ty chứng khoán không được lừa dối khách hàng hoặc bỏ mặc khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận tiềm năng trên khoản đầu tư của mình hoặc bỏ mặc khách hàng không biết rủi ro, trình độ hiểu biết vào chứng khoán có thu nhập tiềm năng.

6. Công ty chứng khoán không được tiết lộ thông tin về khách hàng, trình độ hiểu biết của khách hàng nghiệp vụ hoặc theo yêu cầu của các quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7. Công ty ch ng khoán không c th c hi n nh ng hành vi làm cho khách hàng và nhà u t hi u nh m v giá ch ng khoán.

8. Công ty ch ng khoán a ra d báo giá ho c khuy n ngh giao d ch liên quan n m t lo i ch ng khoán c th trên các ph ng ti n truy n thông ph i ghi rõ c s phân tích và ngu n trích d n thông tin.

#### **i u 46. T m ng ng ho t ng**

1. Công ty ch ng khoán t m ng ng ho t ng kinh doanh ch ng khoán t i tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch ph i c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n. Th i gian t m ng ng không quá chín m i (90) ngày. Quá th i h n trên, y ban Ch ng khoán Nhà n c thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng ho c quy t nh thành l p có liên quan.

2. H s ngh ch p thu n t m ng ng ho t ng c l p thành m t (01) b n g c n p tr c ti p t i y ban Ch ng khoán Nhà n c ho c g i qua ng b u i n. H s ngh t m ng ng ho t ng bao g m:

a) Gi y ngh t m ng ng ho t ng (theo m u quy nh t i Ph l c XIV ban hành kèm theo Thông t này);

b) Quy t nh c a H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c Ch s h u công ty ch ng khoán v vi c t m ng ng ho t ng;

c) Ph ng án x lý các h p ng ã ký v i khách hàng còn hi u l c.

3. Trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày nh n c h s h p l theo quy nh t i kho n 2 i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch p thu n t m ng ng ho t ng cho tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch c a công ty ch ng khoán. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

4. Công ty ch ng khoán có trách nhi m báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c trong th i h n hai m i t (24) gi k t khi tr s chính, chi nhánh, phòng giao d ch ho t ng tr l i.

## M c 2

### NGHI P V MÔI GI I CH NG KHOÁN

#### **Đ i u 47. Trách nhi m môi gi i ch ng khoán**

1. Công ty ch ng khoán ph i b trí ng i hành ngh ch ng khoán làm vi c t i các v trí sau:

a) T v n, gi i thích h p ng và th c hi n các th t c m tài kho n giao d ch ch ng khoán cho khách hàng;

b) T v n giao d ch ch ng khoán cho khách hàng;

c) Nh n l nh, ki m soát l nh giao d ch ch ng khoán c a khách hàng;

d) Tr ng các b ph n liên quan n nghi p v môi gi i ch ng khoán.

2. Công ty ch ng khoán ph i tuân th các quy nh v phòng ch ng r a ti n theo các quy nh pháp lu t hi n hành.

3. D li u v tài kho n môi gi i c a khách hàng m tài kho n t i công ty ch ng khoán ph i c qu n lý t p trung và ph i l u gi d phòng t i a i m khác.

4. Công ty ch ng khoán th c hi n nghi p v môi gi i ch ng khoán không c:

a) a ra ý ki n v vi c t ng hay gi m giá ch ng khoán mà không có c n c l o i kéo khách hàng tham gia giao d ch;

b) Th a thu n ho c a ra lãi su t c th ho c chia s l i nhu n ho c thua l v i khách hàng l o i kéo khách hàng tham gia giao d ch;

c) Tr c ti p ho c gián ti p thi t l p các a i m c nh bên ngoài các a i m giao d ch ã c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ký h p ng môi gi i v i khách hàng, nh n l nh, th c hi n l nh giao d ch ch ng khoán ho c thanh toán giao d ch ch ng khoán v i khách hàng;

d) Nh n l nh, thanh toán giao d ch v i ng i không ph i là ng i ng tên tài kho n giao d ch mà không có y quy n c a ng i ng tên tài kho n b ng v n b n;

) Tỉ lệ các nội dung tỉ lệ giao dịch của khách hàng hoặc thông tin bí mật khác có thể khi thực hiện giao dịch cho khách hàng mà không phải công bố thông tin hoặc theo yêu cầu thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật;

e) Sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để ký, giao dịch chứng khoán;

g) Xuyên phạm tài sản, quyền và lợi ích khác của khách hàng.

#### **ĐIỀU 48. MÔ TẢ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH**

1. Thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán cho khách hàng, công ty chứng khoán phải làm thủ tục mở tài khoản giao dịch cho từng khách hàng trên cơ sở Giấy đăng ký mở tài khoản và hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng. Giấy đăng ký mở tài khoản phải có các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này. Hợp đồng mở tài khoản phải có các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ ghi thích nội dung hợp đồng mở tài khoản giao dịch và các thuật ngữ có liên quan khi thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng, tìm hiểu kiến thức tài chính, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng liên quan thuộc về của khách hàng.

3. Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán quy định tại khoản 1 điều này không được chứa đựng những tho thu sau:

a) Tho thu nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý công ty chứng khoán mà không có lý do chính đáng;

b) Tho thu nhằm chuyển phạm vi thẩm định của công ty chứng khoán mà không có lý do chính đáng hoặc chuyển rủi ro từ công ty chứng khoán sang khách hàng;

c) Tho thu buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ thẩm định một cách không công bằng;

d) Các tho thu gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.

4. Nhà u t m tài kho n t i công ty ch ng khoán ph i i n y các thông tin trên h p ng m tài kho n.

#### **i u 49. Trách nhi m i v i khách hàng**

1. Khi t v n cho khách hàng giao d ch ch ng khoán, công ty ch ng khoán ph i thu th p y thông tin v khách hàng, không c m b o giá tr ch ng khoán mà mình khuy n ngh u t .

2. Công ty ch ng khoán có ngh a v c p nh t các thông tin thay i c a khách hàng khi khách hàng có yêu c u.

3. Công ty ch ng khoán ph i tr c ti p ký h p ng m tài kho n giao d ch cho khách hàng, tr c ti p th c hi n giao d ch ch ng khoán cho khách hàng và ch u trách nhi m tr c pháp lu t v các ho t ng này.

4. Công ty ch ng khoán ph i công b v m c phí giao d ch ch ng khoán tr c khi khách hàng th c hi n giao d ch.

5. Công ty ch ng khoán có ngh a v theo dõi chi ti t t i n và ch ng khoán c a t ng khách hàng, cung c p thông tin v s d , s phát sinh t i n (n u có) và ch ng khoán cho khách hàng khi khách hàng yêu c u.

6. Công ty ch ng khoán ph i thi t l p m t b ph n chuyên trách ch u trách nhi m thông tin liên l c v i khách hàng và gi i quy t các th c m c, khi u n i c a khách hàng.

#### **i u 50. Qu n lý t i n c a khách hàng**

1. Công ty ch ng khoán ph i qu n lý tách b ch t i n g i giao d ch ch ng khoán c a t ng khách hàng, tách b ch t i n c a khách hàng v i t i n c a công ty ch ng khoán.

2. Công ty ch ng khoán không c tr c ti p nh n và chi tr t i n m t giao d ch ch ng khoán c a khách hàng mà ph i th c hi n qua ngân hàng th ng m i.

3. Công ty ch ng khoán không c l m d ng t i n c a khách hàng d i m i hình th c. Các giao d ch liên quan n t i n c a khách hàng ch c phép th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

4. Công ty ch ng khoán ph i xây d ng h th ng qu n lý tách b ch t i n c a khách hàng theo ph ng th c nêu t i i m a kho n này. Ngoài ra, công ty ch ng khoán có th xây d ng b sung h th ng theo ph ng th c nêu t i i m b kho n này khách hàng l a ch n:

a) Khách hàng c a công ty ch ng khoán m tài kho n tr c ti p t i ngân hàng th ng m i do công ty ch ng khoán l a ch n qu n lý t i n giao d ch ch ng khoán. Trong ph ng th c này, khách hàng, công ty ch ng khoán và ngân hàng th ng m i có h p ng th a thu n v cách th c xác nh n, phong t a s d t i n và chuy n t i n thanh toán giao d ch ch ng khoán c a khách hàng. Sau khi l nh mua ch ng khoán c a khách hàng c kh p, công ty ch ng khoán có quy n yêu c u ngân hàng n i nhà u t m tài kho n th c hi n chuy n t i n t ng ng v i giá tr kh p l nh vào tài kho n thanh toán giao d ch ch ng khoán do công ty ch ng khoán ng tên m t i ngân hàng th ng m i do công ty ch ng khoán l a ch n. Công ty ch ng khoán có ngh a v thay m t cho khách hàng th c hi n thanh toán giao d ch ch ng khoán v i các bên có liên quan;

b) Công ty ch ng khoán m tài kho n chuyên d ng t i ngân hàng th ng m i qu n lý t i n g i giao d ch ch ng khoán c a khách hàng. Tài kho n chuyên d ng ph i m riêng bi t và tách b ch v i các tài kho n khác c a công ty ch ng khoán.

Tài kho n chuyên d ng này ch ph c v cho giao d ch c a khách hàng, c th :

- Khách hàng n p, chuy n t i n vào tài kho n giao d ch ch ng khoán;
- Khách hàng rút, chuy n t i n ra kh i tài kho n giao d ch ch ng khoán;
- Khách hàng thanh toán giao d ch ch ng khoán;
- Khách hàng ký qu giao d ch, n p t i n u giá mua ch ng khoán;
- Khách hàng thanh toán th c hi n quy n mua ch ng khoán;
- Các tr ng h p thanh toán khác c a khách hàng theo yêu c u c a khách hàng và tuân th các quy nh c a pháp lu t.

Công ty ch ng khoán có trách nhi m thi t l p h th ng k toán qu n lý

ti n g i c a t n g nh à u t . Công ty ch ng khoán có ngh a v xác nh rõ s đ (n u có) t i m i th i i m c a t n g khách hàng và cung c p sao kê chi ti t s đ ti n (n u có) c a t n g khách hàng b t c lúc nào theo yêu c u c a khách hàng ho c c quan nh à n c có th m quy n.

Công ty ch ng khoán có trách nhi m m b o th c hi n m i yêu c u rút, chuy n ti n c a khách hàng trong ph m vi s đ ti n c a khách hàng khi khách hàng không còn ngh a v ph i tr i v i công ty ch ng khoán.

Công ty ch ng khoán không c nh n y quy n c a khách hàng th c hi n chuy n ti n n i b gi a các tài kho n c a các khách hàng.

5. Công ty ch ng khoán ph i công b trên trang thông tin i n t và t i các chi nhánh, phòng giao d ch c a công ty ch ng khoán danh sách ngân hàng th ng m i c l a ch n cho hai ph ng th c qu n lý ti n giao d ch ch ng khoán c a khách hàng.

6. Ch m nh t trong vòng ba (03) ngày làm vi c k t ngày ký h p ng theo quy nh t i i m a và i m b kho n 4 i u này, công ty ch ng khoán ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nh à n c kèm theo b n sao h p l h p ng gi a công ty ch ng khoán và ngân hàng th ng m i.

7. Tr c m i sáu (16) gi th hai hàng tu n ho c ngày làm vi c u tiên c a tu n, công ty ch ng khoán có tài kho n chuyên d ng ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nh à n c s l ng khách hàng, s đ ti n c a khách hàng t i tài kho n chuyên d ng c a công ty ch ng khoán m t i ngân hàng th ng m i theo m u quy nh t i Ph l c XVII ban hành kèm theo Thông t này. S li u báo cáo nêu trên c ch t t i th i i m cu i ngày làm vi c li n tr c ngày báo cáo.

#### **i u 51. Qu n lý ch ng khoán c a khách hàng**

1. i v i ch ng khoán ã c ng ký l u ký t p trung:

a) Công ty ch ng khoán ph i qu n lý tách bi t ch ng khoán thu c s h u c a khách hàng v i ch ng khoán thu c s h u c a công ty ch ng khoán;

b) Công ty ch ng khoán ph i th c hi n tái ký g i ch ng khoán c a khách hàng vào Trung tâm L u ký ch ng khoán Vi t Nam trong vòng m t (01) ngày

làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng khoán hợp lệ của khách hàng;

c) Công ty chứng khoán có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ cho khách hàng về những quy định liên quan đến chứng khoán của khách hàng;

d) Việc ghi, rút, chuyển khoản chứng khoán thực hiện theo lệnh của khách hàng và theo quy định về ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

2. Đối với chứng khoán chưa được ký lưu ký tập trung, công ty chứng khoán được ký và lưu ký chứng khoán của khách hàng tại công ty chứng khoán theo hình thức ký kết với khách hàng và theo quy định tại Điều 58 và Điều 59 Thông tư này.

### **Điều 52. Nhiệm vụ và trách nhiệm giao dịch**

1. Công ty chứng khoán nhiệm vụ giao dịch của khách hàng theo các hình thức sau:

- a) Nhiệm vụ lập lệnh trực tiếp tự động giao dịch;
- b) Nhiệm vụ mua qua điện thoại, fax, internet và các hình thức truy cập khác.

2. Công ty chứng khoán thực hiện lệnh giao dịch trực tiếp ngay sau khi đã ký và ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định.

3. Trường hợp lệnh giao dịch trực tiếp, qua điện thoại, qua fax và các hình thức truy cập khác, công ty chứng khoán phải tuân thủ:

- a) Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn;
- b) Mọi báo cáo ghi nhận liên hệ thông tin thị trường chứng khoán, lưu giữ bằng chứng minh về việc thực hiện lệnh của khách hàng;

c) Mọi báo nguyên tắc xác nhận với khách hàng trực tiếp khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch;

d) Có biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng truy cập và biện pháp khắc phục thích hợp khi không nhận được lệnh của khách hàng vào hệ thống giao dịch do lỗi của công ty.

4. Công ty chứng khoán thực hiện lệnh của khách hàng khi lệnh giao dịch có đầy đủ và chính xác các thông tin về khách hàng, ngày giao dịch,

mã chứng khoán, phương thức, loại hình, số lượng và giá giao dịch. Lựa chọn giao dịch của khách hàng phải được công ty chứng khoán ghi nhận sát thực tế và thời gian (ngày, giờ, phút) như liên hệ thực tế nhất.

5. Công ty chứng khoán phải thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác lựa chọn giao dịch của khách hàng.

6. Công ty chứng khoán chỉ được nhận mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ tiền thanh toán (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để bảo đảm việc thanh toán của khách hàng khi lựa chọn giao dịch thực hiện.

7. Công ty chứng khoán phải thông báo kết quả thực hiện lựa chọn giao dịch cho khách hàng ngay sau khi liên hệ khách hàng theo phương thức do khách hàng và công ty chứng khoán thỏa thuận trong hợp đồng.

8. Trưởng hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký thì thành viên lưu ký không phải là thành viên giao dịch, thành viên giao dịch và thành viên lưu ký phải ký hợp đồng thỏa thuận trách nhiệm để bảo đảm nguyên tắc thành viên giao dịch chịu trách nhiệm thực hiện lựa chọn giao dịch, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm kiểm tra tính đúng đắn, chứng khoán của khách hàng và bảo đảm thanh toán cho khách hàng theo quy định pháp luật.

### **M 3**

## **NGHI P V T DOANH CH NG KHOÁN**

### **đ 53. T doanh chứng khoán**

1. Công ty chứng khoán phải bảo đảm tính và chứng khoán thanh toán các lựa chọn giao dịch cho tài khoản của chính mình.

2. Nghị định về doanh nghiệp của công ty chứng khoán phải thực hiện với danh nghĩa chính mình, không được mượn danh nghĩa cá nhân khác hoặc thực hiện với danh nghĩa cá nhân hoặc cho người khác sử dụng tài khoản doanh nghiệp.

3. Các trưởng hợp sau không được coi là tài doanh chứng khoán:

- a) Mua, bán chứng khoán do sã lại sau giao dịch;
  - b) Mua, bán chứng phiếu quỹ.
4. Công ty chứng khoán phải ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước khi thực hiện lệnh của chính mình.
5. Công ty chứng khoán phải công bố cho khách hàng biết khi mình là tác nhân trong giao dịch thu nhận tiền từ khách hàng.
6. Trong trường hợp lệnh mua, bán chứng khoán của khách hàng có thể nhúng lộn giá của lệnh chứng khoán đó, công ty chứng khoán không được mua, bán trước cùng lệnh chứng khoán đó cho chính mình hoặc tiết lộ thông tin cho bên thứ ba mua, bán chứng khoán đó.
7. Khi khách hàng tiết lộ những gì họ cần, công ty chứng khoán không được mua hoặc bán cùng chi nhánh cùng lệnh chứng khoán đó cho mình mà mức giá bằng hoặc thấp hơn mức giá của khách hàng trước khi lệnh của khách hàng được thực hiện.

#### **Mục 4**

#### **NGHIÊN PHƯƠNG BỔ LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**

##### **Điều 54. Điều kiện bổ lãnh phát hành**

Công ty chứng khoán được bổ lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được cấp phép thực hiện nghiên cứu bổ lãnh phát hành chứng khoán.
2. Thời hạn ký hợp đồng bổ lãnh phát hành, tổng giá trị của tất cả các hợp đồng bổ lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn còn hiệu lực phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - a) Không có khoản nợ tiềm ẩn (100%) và chi phí sử dụng tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất;
  - b) Không có vượt quá mức (15) lần hạn sử dụng tài sản ngắn hạn và ngắn hạn tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất.

3. Không bỏ t vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát có biệt trong ba (03) tháng liên tiếp thì bị hủy bỏ và công bố lãnh phát hành.

#### **Điều 55. Hình thức công bố lãnh phát hành**

1. Công ty chứng khoán không có công bố lãnh phát hành theo hình thức cam kết thực hiện hoặc là người công bố lãnh chính trong các trường hợp sau đây:

a) Công ty chứng khoán, công lập hoặc cùng công ty con hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 10% trở lên vốn ưu đãi thực phát hành, hoặc có quy định kiểm soát thực phát hành, hoặc có quy định nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) thực phát hành;

b) Tỷ lệ từ 30% vốn ưu đãi của công ty chứng khoán và tỷ lệ từ 30% vốn ưu đãi thực phát hành do cùng một cá nhân hoặc một tổ chức nắm giữ;

c) Thực phát hành, công lập hoặc cùng các công ty con hoặc cùng với người có liên quan sở hữu từ 20% trở lên vốn ưu đãi của công ty chứng khoán, hoặc có quy định kiểm soát công ty chứng khoán, hoặc có quy định nhiệm vụ Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán;

d) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người có liên quan của công ty chứng khoán đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) thực phát hành;

e) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người có liên quan của thực phát hành là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán;

f) Công ty chứng khoán và thực phát hành có chung người đi theo pháp luật.

2. Công ty chứng khoán nhận công bố lãnh phát hành chứng khoán phi tài khoản riêng biệt tại ngân hàng thương mại nhận tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư.

## M c 5

### NGHI P V T V N U T CH NG KHOÁN

#### i u 56. Trách nhi m c a công ty ch ng khoán

1. Cung c p d ch v t v n u t ch ng khoán cho khách hàng, công ty ch ng khoán ph i ký k t h p ng v i khách hàng v i các n i dung t i thi u nh sau:

- a) Quy n, ngh a v , trách nhi m c a các bên tham gia h p ng;
- b) Ph m vi t v n u t ch ng khoán;
- c) Ph ng th c cung c p d ch v ;
- d) Phí cung c p d ch v .

2. Công ty ch ng khoán ph i thu th p và qu n lý thông tin v khách hàng, bao g m:

- a) Tình hình tài chính c a khách hàng;
- b) M c tiêu u t c a khách hàng;
- c) Kh n ng ch p nh n r i ro c a khách hàng;
- d) Kinh nghi m và hi u bi t v u t c a khách hàng.

3. Các n i dung t v n u t ch ng khoán ph i có c s h p lý và phù h p d a trên thông tin áng tin c y, phân tích lôgic. Khuy n ngh u t ch ng khoán c a ra ph i liên quan và phù h p v i n i dung phân tích ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán. Các báo cáo phân tích ch ng khoán và th tr ng, khuy n ngh u t ph i ghi rõ ngu n trích d n s li u và tên ng i ch u trách nhi m v n i dung báo cáo, khuy n ngh u t ch ng khoán.

4. Công ty ch ng khoán t v n u t cho khách hàng ph i m b o r ng khách hàng a ra quy t nh u t trên c s c cung c p thông tin y bao g m c n i dung và r i ro c a s n ph m, d ch v cung c p.

5. Công ty ch ng khoán ph i b o m t các thông tin nh n c t ng i s d ng d ch v t v n trong quá trình cung ng d ch v t v n tr tr ng h p c khách hàng ng ý ho c pháp lu t có quy nh khác.

6. Công ty ch ng khoán ph i t v n u t phù h p v i m c tiêu u t và tình hình tài chính c a khách hàng và ph i ch u trách nhi m v k t qu phân tích và tin c y c a thông tin cung c p cho khách hàng.

#### **i u 57. Các hành vi b c m**

Tr tr ng h p pháp lu t có quy nh khác, công ty ch ng khoán cung c p d ch v t v n u t không c tr c ti p ho c gián ti p th c hi n các hành vi sau:

1. Quy t nh u t ch ng khoán thay cho khách hàng.
2. Th a thu n v i khách hàng chia s l i nhu n ho c l .
3. Qu ng cáo, tuyên b r ng n i dung, hi u qu , ho c các ph ng pháp phân tích ch ng khoán c a mình có giá tr cao h n c a công ty ch ng khoán khác.
4. Có hành vi cung c p thông tin sai s th t d d hay m i g i khách hàng mua bán m t lo i ch ng khoán nào ó.
5. Cung c p thông tin sai l ch, gian l n, ho c gây hi u nh m cho khách hàng.
6. Các hành vi khác trái v i quy nh c a pháp lu t.

### **M c 6**

#### **NGHI P V L U KÝ CH NG KHOÁN**

#### **i u 58. Ph m vi th c hi n nghi p v l u ký ch ng khoán**

Công ty ch ng khoán c c p Gi y ch ng nh n ho t ng l u ký c cung c p các d ch v sau:

1. Cung c p d ch v ng ký, l u ký ch ng khoán cho khách hàng.
2. Th c hi n thanh toán các giao d ch ch ng khoán trên S Giao d ch ch ng khoán cho khách hàng.
3. Cung c p d ch v qu n lý s c ông, i lý chuy n nh ng theo yêu c u c a t ch c phát hành không ph i là công ty i chúng.

**điều 59. Quy định và nghĩa vụ của công ty chứng khoán hoạt động lưu ký**

1. Mở tài khoản lưu ký cho khách hàng tại công ty chứng khoán, quy định tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng theo đúng quy định của pháp luật. Tài khoản lưu ký chứng khoán của khách hàng phải tách biệt với tài khoản lưu ký chứng khoán của chính công ty.

2. Ghi chép chính xác, đầy đủ và cập nhật thông tin về khách hàng mở tài khoản lưu ký và chứng khoán sở hữu của khách hàng để lưu ký tại công ty.

3. Báo quản lý, lưu trữ, thu thập và xử lý số liệu liên quan đến hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán của khách hàng.

4. Xây dựng các quy trình đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ, quy định sổ công, nghiệp vụ chuyển nhượng và quy trình kiểm soát nội bộ nhằm quản lý và bảo vệ quyền lợi của khách hàng hoặc người sở hữu chứng khoán.

5. Thu phí hoạt động đăng ký, lưu ký chứng khoán và các loại phí khác theo quy định của pháp luật.

**Mục 7**

**HOẠT ĐỘNG VẬN TÀI CHÍNH**

**điều 60. Quy định về hoạt động vận tài chính**

1. Công ty chứng khoán được thực hiện vận tài chính, bao gồm:

a) Vận tài tái cấu trúc, sáp nhập, hợp nhất, tách rời, mua bán doanh nghiệp;

b) Vận quản trị, vận chỉ định doanh nghiệp;

c) Vận chào bán, niêm yết chứng khoán;

d) Vận chuyển hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;

đ) Vận tài chính khác phù hợp với quy định pháp luật.

2. Công ty chứng khoán không được cung cấp dịch vụ nêu trên miễn phí, miễn phí khoản lệ phí này cho một công ty mà mình nắm giữ ít nhất 10% vốn của công ty.

3. Công ty ch ng khoán th c hi n t v n tài chính ph i tuân th Lu t Ch ng khoán và pháp lu t khác có liên quan.

## **M c 8**

### **CÁC D CH V TÀI CHÍNH KHÁC**

#### **Đ i u 61. y thác qu n lý tài kho n giao d ch ch ng khoán c a nhà u t cá nhân**

1. Nguyên t c chung:

a) Công ty ch ng khoán c c p phép th c hi n ng th i nghi p v môi gi i ch ng khoán và t v n u t ch ng khoán c nh n y thác qu n lý tài kho n giao d ch ch ng khoán trên c s h p ng y thác qu n lý tài kho n giao d ch ch ng khoán ký v i khách hàng là cá nhân;

b) Công ty ch ng khoán không c nh n y thác quy t nh toàn b giao d ch trên tài kho n giao d ch ch ng khoán thay m t cho nhà u t cá nhân. Khách hàng ph i ghi rõ các n i dung y thác c th theo quy nh t i kho n 2 i u này;

c) Ch ng khoán c phép y thác mua, bán là c phi u, ch ng ch qu u t niêm y t trên S Giao d ch ch ng khoán, không bao g m ch ng khoán ng ký giao d ch trên h th ng giao d ch c a công ty i chúng ch a niêm y t (UpCom);

d) Công ty ch ng khoán ch nh ng i hành ngh ch ng khoán có ch ng ch hành ngh phân tích tài chính ho c qu n lý qu th c hi n qu n lý tài kho n giao d ch y thác.

2. Ph m vi y thác bao g m các n i dung sau:

- a) Lo i ch ng khoán giao d ch;
- b) Kh i l ng t i a có th mua, bán cho t ng lo i ch ng khoán;
- c) Giá tr t i a cho t ng l nh giao d ch;
- d) T ng giá tr giao d ch t i a cho m t ngày giao d ch;
- e) Ph ng th c giao d ch, lo i l nh giao d ch.

3. Công ty ch ng khoán có trách nhi m t ng h p thông tin v kh n ng tài chính, th i h n u t , m c tiêu u t , m c r i ro có th ch p nh n, các h n ch u t , danh m c ch ng khoán u t (n u có) và các yêu c u khác c a khách hàng tr c khi th c hi n ký k t h p ng. Tr ng h p khách hàng không cung c p y thông tin ho c cung c p thông tin không chính xác, công ty ch ng khoán có quy n t ch i ký k t h p ng.

4. H p ng y thác:

a) Th i h n h p ng y thác không quá m t (01) n m tính t th i i m ký k t h p ng.

b) H p ng y thác t i thi u ph i có các n i dung sau:

- Thông tin v khách hàng;
- Thông tin v ng i hành ngh c giao qu n lý tài kho n c a khách hàng (n u có);

- N i dung y thác;

- Quy n và ngh a v c a các bên trong h p ng;

- Phí qu n lý h p ng và phí th ng (n u có);

- Ph ng th c thanh toán và thanh lý h p ng;

- Ph ng th c gi i quy t tranh ch p.

5. Tr ng h p công ty ch ng khoán không th c hi n úng theo h p ng ã ký v i khách hàng, gây t n th t cho khách hàng, công ty ch ng khoán có trách nhi m b i th ng cho khách hàng y thác theo tho thu n b ng v n b n gi a hai bên; tr ng h p phát sinh l i nhu n, kho n l i nhu n này thu c v khách hàng y thác.

6. Quy n và ngh a v c a công ty ch ng khoán nh n y thác:

a) Hành ng trung th c và vì l i ích cao nh t c a khách hàng, không s d ng thông tin v khách hàng làm l i cho mình và gây thi t h i cho khách hàng;

b) Yêu c u khách hàng cung c p y các thông tin c n thi t;

c) Th c hi n mua/bán ch ng khoán trong ph m vi y thác;

d) Ghi thích rõ và cung cấp ý thông tin cho khách hàng về mọi rủi ro có thể phát sinh trong việc thực quản lý tài khoản giao dịch ngân khoản;

e) Cung cấp cho khách hàng bảng sao kê giao dịch ngân hàng tháng hoặc bất kỳ theo yêu cầu của khách hàng thực;

f) Thông báo cho khách hàng trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi tài sản trong tài khoản giao dịch thực của khách hàng thực giảm xuống dưới hai mươi lăm phần trăm (25%) tính trên tổng giá trị hợp đồng thực;

g) Báo cáo ngân hàng tháng (theo mẫu tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Ngân khoản Nhà nước về hoạt động quản lý tài khoản giao dịch thực;

h) Cung cấp danh sách người hành nghề ngân khoản và người khách hàng lựa chọn quản lý tài khoản thực;

i) Thiệt lập bộ phận giám sát và lập giám sát việc quản lý, giao dịch ngân khoản trên tài khoản giao dịch thực của người hành nghề ngân khoản nhằm đảm bảo việc giao dịch của tài khoản này phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng thực và mục tiêu của khách hàng;

k) Mọi giao dịch theo hợp đồng thực phải ghi chép chính xác thì mới có hiệu lực;

l) Công ty ngân khoản phải thông báo và phải có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng về vị trí nhập vào ngân khoản do công ty thực hiện báo lãnh phát hành trong thời gian công ty đang thực hiện báo lãnh.

#### **Điều 62. Các dịch vụ tài chính khác**

1. Công ty ngân khoản chỉ thực hiện các dịch vụ tài chính khác khi có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các dịch vụ nêu trên khoản 1 Điều này phải có liên quan và hỗ trợ cho các nghiệp vụ của công ty ngân khoản và phải miễn phí hoặc không tính phí cho khách hàng, của chính công ty ngân khoản và của nhà cung cấp.

**Chương VII**  
**TỔ CHỨC LÃI CÔNG TY CHẾ NG KHOÁN**  
**Mục 1**  
**CHUYỂN LÃI CÔNG TY CHẾ NG KHOÁN**

**Điều 63. Các hình thức chuyển lãi công ty chế ng khoán**

1. Công ty chế ng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển lãi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại.

2. Công ty chế ng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển lãi thành công ty cổ phần và ngược lại.

**Điều 64. Điều kiện chuyển lãi công ty chế ng khoán**

1. Việc chuyển lãi công ty, phương án chuyển lãi công ty phải được Hội đồng, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch thông qua.

2. Công ty chế ng khoán hình thành sau chuyển lãi phải áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Thông tư này.

3. Trường hợp chuyển lãi trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty chế ng khoán phải tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư này.

4. Việc chuyển lãi công ty không cần征得 ngân hàng nơi có khách hàng (nếu có).

5. Việc chuyển lãi công ty phải tuân thủ pháp luật khác có liên quan.

**Điều 65. Thủ tục chuyển lãi công ty**

1. Công ty chế ng khoán thực hiện việc chuyển lãi công ty phải có ý kiến của Ban Chế ng khoán Nhà nước chấp thuận. Hội đồng chấp thuận chuyển lãi công ty được lập thành một (01) bảng công trình tiếp thị của Ban Chế ng khoán Nhà nước hoặc ghi qua ngân bộ, hồ sơ bao gồm:

a) Giấy nghị chấp thuận chuyển lãi công ty (theo Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Biên bản họp, quy định của Hội đồng, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch và vị chức danh của công ty;

c) Phương án chuyển nhượng của Hội đồng, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty thông qua;

d) Hội đồng chấp thuận chuyển nhượng tạm miễn trừ 10% trở lên vốn đầu tư góp (nếu có) quy định tại khoản 2 điều 30 Thông tư này;

e) Các tài liệu chứng minh áp dụng quy định tại khoản 3 điều 64 Thông tư này.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấp thuận chuyển nhượng. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trình bày lý do và nêu rõ lý do.

3. Công ty chứng khoán thực hiện chuyển nhượng theo quy định của Luật doanh nghiệp. Trường hợp chuyển nhượng công ty có kế hoạch chào bán cổ phần riêng lẻ, chào bán cổ phần ra công chúng, công ty chứng khoán phải tuân thủ các quy định về chào bán có liên quan.

4. Sau khi thực hiện chuyển nhượng, công ty chứng khoán phải làm thủ tục đăng ký lập Giấy phép thành lập và hoạt động. Hội đồng chấp thuận Giấy phép thành lập thành lập (01) bản gửi cơ quan tiếp thị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho cơ quan đăng ký, hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đăng ký lập Giấy phép thành lập và hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Báo cáo kết quả thực hiện phương án chuyển nhượng, bao gồm danh sách công đồng, thành viên góp vốn của công ty sau chuyển nhượng (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này), kết quả thực hiện chuyển nhượng tạm miễn trừ 10% trở lên vốn đầu tư (nếu có) (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này), kết quả chào bán cổ phần (nếu có);

c) Bản thuyết minh các số v t ch t m b o th c hi n các nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i tr s chính (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này);

d) Danh sách d ki n Giám c (T ng Giám c) và ng i hành ngh ch ng khoán t i tr s chính (theo m u quy nh t i Ph l c III ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán; B n thông tin cá nhân c a Giám c (T ng Giám c) (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này);

g) Xác nh n v kho n v n t ng thêm (n u có) c a ngân hàng n i m tài kho n phong to ho c c a t ch c ki m toán c y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n;

e) D th o i u l công ty sau chuy n i;

g) B n g c Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán chuy n i.

5. y ban Ch ng khoán Nhà n c ki m tra c s v t ch t n u công ty sau chuy n i có thay i a i m t tr s chính ho c c n làm rõ v n liên quan n c s v t ch t c a công ty sau chuy n i.

6. Trong th i h n ba m i (30) ngày, k t ngày nh n c h s y , h p l theo quy nh t i kho n 4 i u này và k t qu ki m tra c s v t ch t (n u có), y ban Ch ng khoán Nhà n c c p l i Gi y phép thành l p và ho t ng. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

7. Công ty ch ng khoán hình thành sau chuy n i k th a toàn b các quy n và ngh a v c a công ty ch ng khoán chuy n i.

8. Công ty ch ng khoán chuy n i ph i th c hi n công b thông tin theo quy nh pháp lu t hi n hành.

9. Các chi nhánh, phòng giao d ch c a công ty ch ng khoán sau chuy n i t i p t c ho t ng ph i th c hi n i u ch nh quy t nh ch p thu n thành l p chi nhánh, phòng giao d ch theo quy nh t i i u 20, 23 Thông t này. Các chi

nhánh, phòng giao dịch không tiếp tục hoạt động phải thực hiện các thủ tục đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại Điều 19, 22 Thông tư này.

## **Mục 2**

### **HỢP NHẬP, SÁP NHẬP CÔNG TY CHẾ NG KHOÁN**

#### **Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập**

1. Công ty chế khoán hình thành sau hợp nhất, sáp nhập phải áp dụng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Thông tư này.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập phải có sự đồng ý của Hội đồng, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu thông qua.
3. Việc hợp nhất, sáp nhập không được nhằm mục đích quy định của khách hàng (nếu có).
4. Công ty chế khoán liên quan đến hợp nhất, sáp nhập phải tuân thủ pháp luật về cạnh tranh và các pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 67. Thủ tục hợp nhất, sáp nhập**

1. Công ty chế khoán thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập phải có ý kiến của Ban Chế khoán Nhà nước chấp thuận. Hội đồng chấp thuận hợp nhất, sáp nhập phải lập thànhमत (01) bản gửi nộp trực tiếp tại Ủy ban Chế khoán Nhà nước có ghi qua ng bu i n, h s bao g m:
  - a) Giấy nghị chấp thuận hợp nhất, sáp nhập (theo Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư này);
  - b) Biên bản họp, Quyết định của Hội đồng, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu về việc hợp nhất, sáp nhập của các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập;
  - c) Hợp đồng nguyên tắc hợp nhất, sáp nhập (bao gồm các nội dung tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư này);
  - d) Phương án hợp nhất, sáp nhập đã có sự đồng ý của Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu của các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập thông qua, trong đó có phương án xử lý tài khoản môi giới (nếu có) của khách hàng

(bao gồm các nội dung thi u theo m u quy nh t i Ph l c XXI ban hành kèm theo Thông t này);

) H s ngh ch p thu n chuy n nh ng t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l ã góp (n u có) quy nh t i kho n 2 i u 30 Thông t này.

2. Trong th i h n ba m i (30) ngày k t ngày nh n c h s y , h p l theo quy nh t i kho n 1 i u này, y ban Ch ng khoán Nhà n c ra quy t nh ch p thu n h p nh t, sáp nh p. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

3. Công ty ch ng khoán th c hi n h p nh t, sáp nh p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

4. Sau khi th c hi n h p nh t, sáp nh p, công ty ch ng khoán ph i làm th t c ngh c p l i Gi y phép thành l p và ho t ng. H s ngh c p l i Gi y phép do i di n theo pháp lu t c a các công ty tham gia h p nh t, sáp nh p ký và c l p thành m t (01) b n g c n p tr c ti p t i y ban Ch ng khoán Nhà n c ho c g i qua ng b u i n, h s bao g m:

a) Gi y ngh c p Gi y phép thành l p và ho t ng (theo m u quy nh t i Ph l c I ban hành kèm theo Thông t này);

b) Báo cáo k t qu th c hi n ph ng án h p nh t, sáp nh p;

c) Danh sách c ông, thành viên góp v n c a công ty sau h p nh t, sáp nh p; k t qu th c hi n chuy n nh ng t m i ph n tr m (10%) tr lên v n i u l (n u có);

d) B n thuy t minh c s v t ch t m b o th c hi n các nghi p v kinh doanh ch ng khoán t i tr s chính (theo m u quy nh t i Ph l c II ban hành kèm theo Thông t này);

) Danh sách đ ki n Giám c (T ng Giám c) và ng i hành ngh ch ng khoán t i tr s chính (theo m u quy nh t i Ph l c III ban hành kèm theo Thông t này) kèm theo b n sao h p l ch ng ch hành ngh ch ng khoán; B n thông tin cá nhân c a Giám c (T ng Giám c) (theo m u quy nh t i Ph l c IV ban hành kèm theo Thông t này);

e) D th o i u l công ty sau h p nh t, sắp nh p;

g) B n g c Gi y phép thành l p và ho t ng công ty ch ng khoán tham gia h p nh t, sắp nh p.

5. y ban Ch ng khoán Nhà n c ki m tra c s v t ch t n u công ty sau h p nh t, sắp nh p có thay i a i m t tr s chính ho c c n làm rõ v n liên quan n c s v t ch t c a công ty sau chuy n i.

6. Trong th i h n ba m i (30) ngày, k t ngày nh n c h s y , h p l theo quy nh t i kho n 4 i u này và k t qu ki m tra c s v t ch t (n u có), y ban Ch ng khoán Nhà n c c p l i Gi y phép thành l p và ho t ng. Tr ng h p t ch i, y ban Ch ng khoán Nhà n c ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do.

7. Công ty ch ng khoán hình thành sau h p nh t, sắp nh p k th a toàn b các quy n và ngh a v c a công ty ch ng khoán tham gia h p nh t, sắp nh p.

8. Công ty ch ng khoán sau h p nh t, sắp nh p ph i th c hi n công b thông tin theo quy nh pháp lu t hi n hành.

9. Các chi nhánh, phòng giao d ch c a công ty ch ng khoán sau h p nh t, sắp nh p ti p t c ho t ng ph i th c hi n ngh y ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n thành l p chi nhánh, phòng giao d ch theo quy nh t i i u 18, 21 Thông t này. Các chi nhánh, phòng giao d ch không ti p t c ho t ng ph i th c hi n các th t c óng c a chi nhánh, phòng giao d ch theo quy nh t i i u 19, 22 Thông t này.

## **Ch ng VIII**

### **CH BÁO CÁO, L U TR , CÔNG B THÔNG TIN**

#### **i u 68. Ch báo cáo**

Công ty ch ng khoán ph i g i báo cáo b ng v n b n ho c t p d li u i n t cho y ban Ch ng khoán Nhà n c theo các th i h n và quy nh nh sau:

1. Báo cáo nh k :

a) Tr c ngày làm vi c th n m (05) c a tháng ti p theo, công ty ch ng

khoản phí ghi Báo cáo tình hình hoạt động tháng (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII Thông tư này);

b) Trước ngày thứ hai của quý tiếp theo, công ty chi ngân khoản phí ghi Báo cáo tài chính quý;

c) Trong thời hạn năm làm (45) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng cuối năm tài chính, công ty chi ngân khoản phí ghi báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài khoản toàn tài chính từ ngày 30 tháng 6 để kiểm soát xét báo cáo kế toán của Ủy ban Chi ngân khoản Nhà nước chấp thuận;

d) Báo cáo năm:

- Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo, công ty chi ngân khoản phí ghi báo cáo tình hình hoạt động của công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII Thông tư này);

- Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, công ty chi ngân khoản phí ghi Ủy ban Chi ngân khoản Nhà nước Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài khoản toàn tài chính từ ngày 31 tháng 12 để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty kế toán chấp thuận Ủy ban Chi ngân khoản Nhà nước chấp thuận.

e) Báo cáo tài chính của công ty chi ngân khoản ghi Ủy ban Chi ngân khoản Nhà nước quy định tại mục b, c, d khoản này bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật kế toán. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật và chấp thuận theo quy định của chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp trong thuyết minh báo cáo tài chính có chi tiết nội dung, phụ lục, phụ lục phí của công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày chi tiết các nội dung và giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Thuyết minh báo cáo tài chính phải có báo cáo bổ sung theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trường hợp công ty chi ngân khoản là công ty mẹ của một tổ chức khác, Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất

theo quy định của pháp luật kế toán.

e) Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ các trường hợp nêu chi tiết khoản mục ngoại trừ và lý do ngoại trừ, công ty kế toán phải có văn bản ghi trình và có xác nhận của kiểm toán gửi Ủy ban Kế toán Nhà nước chậm nhất ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi báo cáo theo quy định của pháp luật và điều khoản này.

## 2. Báo cáo bất thường:

a) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ khi công ty kế toán ký hợp đồng thanh toán lao động với người hành nghề kế toán, công ty kế toán phải báo cáo Ủy ban Kế toán Nhà nước bằng văn bản;

b) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện đi này, công ty kế toán phải báo cáo Ủy ban Kế toán Nhà nước bằng văn bản:

- Vay, sử dụng vượt quá hạn mức quy định tại Điều 42 và Điều 44 Thông lệ này;

- Ngày trở lại chính công ty kế toán, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động.

## 3. Báo cáo theo yêu cầu:

Trường hợp cần thiết, Ủy ban Kế toán Nhà nước có quyền yêu cầu công ty kế toán báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.

## **ĐIỀU 69. Chế độ lưu trữ hồ sơ, chứng từ**

1. Công ty kế toán phải lưu trữ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty kế toán phải lưu trữ đầy đủ hồ sơ về khách hàng, chứng từ và tài liệu liên quan phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và hoạt động nghiệp vụ của công ty.

3. Thời gian lưu giữ các tài liệu theo quy định của khoản 2 điều này thì là mười (10) năm.

#### **Điều 70. Công bố thông tin**

Công ty chứng khoán thành lập công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.

### **Chương IX**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 71. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tin này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2013 và thay thế Quy định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn công ty chứng khoán và Quy định số 126/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung một số điều của “Quy định chi tiết và hướng dẫn công ty chứng khoán” ban hành kèm theo Quy định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trong vòng một (01) năm kể từ ngày Thông tin này có hiệu lực, công ty chứng khoán phải thực hiện sửa đổi nội dung quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tin này; phải phê duyệt kế hoạch và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ theo quy định tại điều 35, điều 36, điều 37 Thông tin này; phải thực hiện quản lý tín dụng khách hàng theo quy định tại điều 50 Thông tin này.

3. Kể từ ngày Thông tin này có hiệu lực, công ty chứng khoán có thể vay nợ, tài trợ và vượt quá quy định tại khoản 1 điều 42 và điều 44 Thông tin này không được phát sinh mới hoặc gia hạn các khoản vay, các khoản nợ phải trả, không được tài trợ để hình thành.

4. Công ty chứng khoán và chúng, công ty chứng khoán nghiêm ngặt phải tuân thủ các quy định tại Thông tin này và các quy định pháp luật hiện hành áp

đăng ký và công ty chúng, công ty niêm yết. Trường hợp có khác biệt giữa Thông tin này và các quy định áp dụng cho các công ty chúng, công ty niêm yết, công ty chứng khoán chúng, công ty chứng khoán niêm yết phải áp dụng các quy định của Thông tin này.

5. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin mời các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết./.

***N i nh n:***

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Thủ tướng và các Ban chấp hành;
- Văn phòng Ban chấp hành TW và phòng chuyên tham mưu;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website CP;
- Các Cơ quan tra Vấn đề (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website BTC;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT.B TR NG  
TH TR NG**

( đã ký)

**Tr n Xuân Hà**